

# TRAO ĐỔI

## về những tố chất, kỹ năng lãnh đạo, quản lý

■ Luật gia: TRƯƠNG QUANG SÁNG

Phát triển khả năng lãnh đạo cung cấp cho chúng ta những tri thức, kỹ năng và phương pháp cơ bản để phân tích, tác động tâm lý, phương pháp điều hành của người lãnh đạo đối với con người và các nhóm xã hội khác nhau nhằm tăng cường chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý trên mọi lĩnh vực. Đồng thời, thông qua đó nhận thức được đầy đủ nguồn gốc, bản chất, đặc điểm và tính quy luật của các hiện tượng tâm lý của cá nhân và nhóm xã hội; người lãnh đạo, quản lý không ngừng hoàn thiện nhân cách, củng cố và nâng cao uy tín của người lãnh đạo, tạo được sự thành công trong quá trình lãnh đạo.

Có nhiều phương diện để xem xét về nhà lãnh đạo, song quan trọng nhất là cần xem xét những gì mà người lãnh đạo làm. Nghĩa là chúng ta đặt nhà lãnh đạo vào một không gian đa chiều với các mối quan hệ trong một tổ chức.

Đồng thời, cũng cần xem xét mối quan hệ giữa lãnh đạo với hoạt động quản lý trên các mặt: hoạch định, điều hành, kiểm tra. Trong đó, cần nghiên cứu và xem xét mối quan hệ của người lãnh đạo với cấp dưới, với người đồng cấp, với cấp trên và những tố chất cần có của một người lãnh đạo để đi đến thành công. Vai trò của người lãnh đạo (người đứng đầu) tốt hay xấu nó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển hay suy thoái của tổ chức, doanh nghiệp.

Theo giáo trình Phát triển khả năng lãnh đạo thì *"Lãnh đạo là quá trình gây ảnh hưởng đối với người khác để hiểu và nhất trí về những việc cần phải làm và cách thức thực hiện hiệu quả và quá trình hỗ trợ nỗ lực tập thể, cá nhân để hoàn thành các mục tiêu chung"*.

Trong tiến trình phát triển của nhân loại vấn đề lãnh đạo, quản lý luôn được nhiều nhà triết gia nghiên cứu và thực sự nó rất cần thiết và hữu hiệu

trong việc quản lý xã hội nói chung quản lý tổ chức, doanh nghiệp nói riêng. Mỗi người lãnh đạo, quản lý đều phải nghiên cứu vận dụng sáng tạo và bổ sung hoàn chỉnh thường xuyên phương pháp và nghệ thuật lãnh đạo, quản lý trong tất cả các lĩnh vực.

Trong thời đại ngày nay, toàn cầu hóa và khu vực hóa đang diễn ra ngày càng sâu sắc mà không một quốc gia nào có thể đứng ngoài. Các quan hệ kinh tế, chính trị quốc tế trở thành sôi động hơn bao giờ hết và có sự tác động to lớn đến sự phát triển của các quốc gia. Chính mối quan hệ kinh tế quốc tế là yếu tố cơ bản quyết định sự hình thành và phát triển của nền kinh tế thế giới. Vấn đề này, đòi hỏi phải làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý về tổ chức cán bộ, công tác chính trị tư tưởng và lý luận. Để làm được điều đó nhất thiết người lãnh đạo ngoài năng lực chuyên môn giỏi cần phải luôn học

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

hỏi, cập nhật những kiến thức mới, hiểu biết rộng, nắm vững những quy luật, kiến thức về phát triển khả năng lãnh đạo, từ đó vận dụng sát đúng vào thực tế công việc lãnh đạo, quản lý mà mình đang đảm nhiệm để đi đến thành công.

Để làm rõ vấn đề này cần làm rõ về thuật ngữ “*tố chất*”: nói đến các đặc điểm của cá nhân khác nhau bao gồm các đặc điểm về cá tính, tính khí, nhu cầu và các giá trị. Cá tính là những đặc điểm về tính khí khi thực hiện cách cư xử, ví dụ: sự tự tin, sự hướng ngoại, sự chín chắn và mức độ nhiệt tình. Có nhiều nghiên cứu khẳng định rằng tố chất cũng bị quy định bởi sự giáo dục và khả năng di truyền.

Về thuật ngữ kỹ năng: nói đến khả năng làm việc gì đó theo một cách có hiệu quả. Giống như tố chất, kỹ năng bị quy định bởi yếu tố học hỏi và di truyền. Tuy nhiên, hầu hết các tác giả khi nghiên cứu về kỹ năng lãnh đạo đều cho rằng để có được kỹ năng cần phải học. Những kỹ năng đều có đặc điểm chung là chúng đều phải được học mới có thể được thể hiện đúng lúc. Như vậy, lãnh đạo là một kỹ năng mà không phải ai cũng nắm bắt được. Bất kỳ ai cũng phải học điều đó. Có thể phân loại kỹ năng lãnh đạo thành 3 nhóm sau<sup>(1)</sup>:

- *Kỹ năng nghiệp vụ*: Kiến thức về phương pháp, các quá

trình, quy trình và kỹ thuật để thực hiện một hoạt động mang tính chuyên môn và khả năng sử dụng công cụ, thiết bị để thực hiện hoạt động đó.

- *Kỹ năng giao tiếp*: Kiến thức về hành vi của con người, các quá trình giao tiếp giữa con người với nhau, khả năng hiểu cảm xúc, thái độ và động cơ của người khác dựa trên những gì họ nói và làm (sự thấu cảm, tính nhạy cảm trong giao tiếp); khả năng truyền đạt rõ ràng và hiệu quả (sự lưu loát và tính thuyết phục của lời nói), khả năng thiết lập các mối quan hệ hiệu quả và sự hợp tác (sự tế nhị, kỹ năng lắng nghe, kiến thức về hành vi xã hội chấp nhận được).

- *Các kỹ năng nhận thức*: Khả năng phân tích chung, tư duy logic, sự thông hiểu về các hình thành khái niệm, khái niệm hóa các mối quan hệ phức tạp và mập mờ, tính sáng tạo trong việc đưa ra ý tưởng và giải quyết vấn đề, khả năng phân tích các sự kiện và xu hướng, lường trước sự thay đổi và nhận ra cơ hội và các vấn đề tiềm tàng (cách tư duy quy nạp và suy diễn).

Việc sở hữu một số tố chất, kỹ năng chỉ làm tăng khả năng thành công của một người lãnh đạo chứ không đảm bảo chắc chắn cho sự thành công đó. Một người lãnh đạo có một số tố chất nhất định có thể thành công trong hoàn

cảnh này nhưng lại không thành công trong hoàn cảnh khác. Hơn nữa, hai người lãnh đạo có các tố chất khác nhau nhưng có thể thành công trong một hoàn cảnh.

\* *Tố chất của người lãnh đạo hiệu quả*: Mức độ sinh lực và sức chịu đựng căng thẳng cao; tự tin; luôn chú trọng vào vấn đề; ổn định và vững vàng về mặt tâm lý; Tính liêm chính; có động cơ quyền lực hòa nhập xã hội; định hướng thành công ở mức độ hợp lý; nhu cầu phụ thuộc.

- *Mức độ sinh lực và sự chịu đựng áp lực*: giúp cho người quản lý bắt kịp được tốc độ làm việc khẩn trương và kéo dài trong nhiều giờ, nhưng yêu cầu liên tục ở cương vị của người quản lý. Sự dẻo dai về mặt thể chất và ổn định về mặt tâm lý giúp cho người quản lý có thể đối mặt với những tình huống căng thẳng trong các mối quan hệ. sức chịu đựng căng thẳng là tố chất đặc biệt quan trọng đối với những người quản lý thường phải đối mặt với những tình huống khó khăn gắn với sự nghiệp và cuộc sống của nhân viên. Ngoài khả năng đưa ra những quyết định sáng suốt trong những tình huống căng thẳng, người quản lý còn giữ được bình tĩnh, đưa ra sự chỉ đạo tự tin, quyết đoán cho nhân viên cấp dưới trong bối cảnh biến động.

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- *Sự tự tin*: Nếu không có sự tự tin, người lãnh đạo thường ít thực hiện hành vi gây ảnh hưởng và những hành vi gây ảnh hưởng thực hiện thường ít có khả năng thành công. Những người lãnh đạo có sự tự tin cao thường cố gắng gánh vác những công việc khó khăn và đưa ra những mục tiêu mang tính thách thức cho mình. Người lãnh đạo có sự tự tin thường kiên trì hơn trong những mục tiêu khó khăn và kỳ vọng cao ở nhân viên cấp dưới. Hành động tự tin quyết đoán trong hoàn cảnh khủng hoảng có ý nghĩa quan trọng để đưa đến thắng lợi.

Tuy nhiên, nếu sự tự tin thái quá cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề như: quá tự tin có thể đưa ra quyết định nóng vội, chuyên quyền và không chấp nhận quan điểm không chính thống vì vậy lợi ích của lãnh đạo tham gia không thể đạt được.

- *Luôn chú trọng cao vấn đề*: Họ nhìn nhận vấn đề một cách chính xác, có quan điểm định hướng tương lai hơn để lập kế hoạch chủ động cách thức thực hiện mục tiêu, thường thích ứng và sáng tạo hơn khi giải quyết vấn đề và trong các chiến lược của mình.

- *Ổn định và vững vàng về mặt tâm lý*: Họ sẽ có tiềm năng phát triển về mặt nhận thức cao. Người lãnh đạo có sự vững vàng về mặt tâm lý có thể duy trì tốt các mối quan

hệ hợp tác với cấp dưới, đồng sự và với cấp trên.

- *Tính liêm trực*: Tính liêm trực có nghĩa là hành vi của một cá nhân phù hợp với các giá trị chung mà mọi người nhất trí, người đó trung thực, có đạo đức và đáng tin cậy. Tính liêm trực là yếu tố quyết định sự tin tưởng giữa các cá nhân. Một tiêu chí cơ bản đánh giá tính liêm trực là mức độ phù hợp của hành vi của người lãnh đạo với các giá trị mà mình luôn truyền đạt cho cấp dưới. Tính liêm trực thể hiện sự tự chịu trách nhiệm về việc đưa ra quyết định, hoặc hành động về một vấn đề.

- *Có động cơ quyền lực hòa nhập xã hội*: Người lãnh đạo có định hướng quyền lực hòa nhập xã hội thường trưởng thành hơn về mặt tâm lý. Họ sử dụng quyền lực vì lợi ích người khác là chủ yếu, ít vì bản thân mình, họ có tầm nhìn xa hơn và sẵn sàng nghe lời khuyên của những người có chuyên môn giỏi. Nhu cầu quyền lực của họ được thể hiện bằng việc sử dụng sự ảnh hưởng để xây dựng tổ chức lãnh đạo tổ chức đi đến thắng lợi, người lãnh đạo này thường có hành vi quản lý mang tính tham gia và hướng dẫn, họ không có hành vi ép buộc hoặc thái độ chuyên quyền.

- *Định hướng thành tích ở mức độ hợp lý*: Định hướng thành tích bao gồm tập hợp

các thái độ, giá trị và nhu cầu liên quan: nhu cầu thành tích, mong muốn nổi bật, động cơ thành công, sẵn sàng nhận trách nhiệm, quan tâm đến mục tiêu công việc. Qua các nghiên cứu cho thấy người quản lý có động cơ thành công ở mức độ hợp lý thường thành công hơn những người quản lý có động cơ thành công thấp hoặc cao. Định hướng thành tích làm tăng hiệu quả lãnh đạo nếu động cơ đó mang tính hỗ trợ cho nhu cầu quyền lực hòa nhập xã hội. Vì vậy, nỗ lực của người quản lý được xây dựng dành cho mô hình nhóm thành công. Khi kết hợp nhu cầu quyền lực cá nhân hóa, động cơ thành tích có thể là sự chú trọng đến sự thăng tiến trong sự nghiệp bằng bất cứ giá nào. Người có nhu cầu quyền lực cao sẽ không quan tâm đến mục tiêu công việc và sự phát triển kỹ năng cho nhân viên cấp dưới nhằm xây dựng danh tiếng cho cá nhân mình và thậm chí họ trở nên quá cạnh tranh đến mức từ chối hợp tác với đồng sự mà họ cho đó là đối thủ tiềm năng. Ngược lại, một người quản lý có nhu cầu quyền lực thấp thường không có động lực tìm kiếm những cơ hội liên quan đến mục tiêu mang tính thách thức, rủi ro và họ thường không chủ động xác định vấn đề và chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề đó.

- *Nhu cầu về sự phụ thuộc:* Người có nhu cầu phụ thuộc một cách hợp lý sẽ thành công trong công việc. Nếu nhu cầu phụ thuộc cao sẽ hành động không quyết đoán, họ chủ yếu quan tâm đến các mối quan hệ hơn công việc, tránh đưa ra những quyết định cần thiết nhưng không được mọi người ủng hộ cho dù quyết định đó là đúng đắn, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả công việc, vì thế sự nhu nhược của người lãnh đạo dẫn đến những thất bại cho tổ chức. Ngược lại nếu nhu cầu phụ thuộc thấp thường là một người đơn độc, thiếu động cơ tham gia vào các hoạt động xã hội, mặc dù trong công tác thì mối quan hệ giữa lãnh đạo và nhân viên, với cấp trên và các mối quan hệ khác là rất quan trọng, điều này sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo.

*Các tố chất liên quan khác:* Trí thông minh; hiểu biết xã hội; tư duy hệ thống; khả năng học hỏi.

Một người sinh ra không phải là để làm lãnh đạo, quản lý mà muốn thành công thì trong quá trình trưởng thành họ phải học tập, rèn luyện và ngày càng hoàn thiện mình; những tố chất đó không chỉ dành riêng cho một ai và nó chỉ có được cho những ai đã khổ công rèn luyện, học tập và để lãnh đạo thành công không thể tách rời những tố

chất trên, nó kết hợp mềm dẻo các tố chất trong quá trình lãnh đạo, quản lý tổ chức; minh chứng cho vấn đề này được thể hiện ở các vĩ nhân của thời đại như: Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp,..., chính khách của các quốc gia, các nhà tỉ phú nổi tiếng như: Bill Gates...trước khi trở thành các nhà nổi tiếng họ đã dày công học tập bằng rất nhiều con đường khác nhau để hoàn thiện nhân cách của một nhà lãnh đạo đi đến thành công.

Thực tế đã chứng minh rằng: lãnh đạo, quản lý không những là khoa học mà còn là một nghệ thuật. Một nhà quản lý là một người lãnh đạo cũng đồng thời là một người điều hành một tập thể, biết dự kiến, lập kế hoạch, tổ chức, điều động và kiểm tra kết quả, nhằm mục đích làm cho tập thể đạt được hiệu quả cao nhất. Ngày nay, trong cơ chế thị trường, khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO đồng nghĩa với nhiều nguyên tắc và quy định trong các hiệp định đa phương của tổ chức này có hiệu lực với các cá nhân, tổ chức Việt Nam trừ một số ngoại lệ và bảo lưu; với các mối quan hệ chính trị, kinh tế quốc tế song phương, đa phương, đòi hỏi người lãnh đạo, quản lý phải có một kiến thức rộng, am hiểu nhiều lĩnh

vực và áp dụng mềm dẻo, linh hoạt các quy luật, nguyên tắc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và chắc chắn rằng chúng ta không áp dụng chuyên biệt một quy luật nào cho một hoạt động lãnh đạo, quản lý cụ thể. Người lãnh đạo, quản lý là người đề ra mục tiêu và tổ chức thực hiện mục tiêu thông qua các cộng sự và những người lao động. Do đó, đòi hỏi cán bộ lãnh đạo, quản lý phải là người có bản lĩnh, có khả năng nhạy cảm, linh hoạt, khả năng quan sát nắm được các nhiệm vụ từ tổng thể đến chi tiết để tổ chức hệ thống hoạt động đồng bộ, có hiệu quả, là người biết tổ chức lao động, biết sử dụng đúng tài năng từng người, đánh giá đúng con người, biết xử lý tốt các mối quan hệ bên trong và bên ngoài tổ chức mà mình với trách nhiệm là người đứng đầu. Là người lãnh đạo, quản lý chúng ta phải cố gắng là một người làm việc có hiệu quả nhất trong lĩnh vực hoạt động, có chuyên môn giỏi; biết tạo lập các mối quan hệ: giao tiếp với người xung quanh, có khả năng thuyết phục, lắng nghe...; biết dự đoán tương lai và làm chủ được các tình huống dựa vào nhận thức được các cơ hội và rủi ro. Về mặt lý luận, trong nhiều tài liệu nghiên cứu của

nhiều tác giả cũng phân định rõ ràng giữa lãnh đạo và quản lý. Tuy nhiên, từ thực tiễn cho thấy để đạt hiệu quả cao trong lãnh đạo, quản lý theo tác giả cần phải làm tốt những giải pháp sau:

*Thứ nhất*, nhà lãnh đạo, quản lý phải luôn học tập để có chuyên môn giỏi đồng thời phải rèn luyện cho mình trở thành một người ngoại giao giỏi; phải là người làm việc có hiệu quả nhờ vào các mối quan hệ; giao tiếp với người xung quanh, có khả năng thuyết phục, lắng nghe...; nhà lãnh đạo, quản lý luôn có sự nhiệt tình, tự tin, liêm chính, hòa đồng với mọi người, quan tâm đến mọi người, có khả năng làm việc nhóm và là người thông minh, sáng tạo, biết lắng nghe một cách linh hoạt. Nhà lãnh đạo, quản lý phải có khả năng sắp xếp, tổ chức và điều phối cho các công việc trong tập thể của mình, kết nối các thành viên với nhau;

*Thứ hai*, thường xuyên chú ý giữ gìn, củng cố và nâng cao uy tín là yêu cầu khách quan, cơ bản và cấp bách của người lãnh đạo, quản lý. Ngoài những yêu cầu nắm vững bản chất uy tín, các yếu tố hợp thành uy tín, những dấu hiệu của uy tín thực chất, tránh tạo ra uy tín không thực chất. Không

được lấy uy tín làm mục đích mà phải coi đó là phương tiện, là điều kiện để thực hiện mục đích lãnh đạo, quản lý.

*Thứ ba*, trong quá trình lãnh đạo, quản lý phải đề cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự kiểm chế, tự kiểm tra, tự điều chỉnh và tự phê bình. Luôn biết tiếp cận, nắm bắt những cái mới, để có những sự đổi mới trong tổ chức cho phù hợp với sự phát triển của xã hội; biết phân tích hiệu quả trong từng tình huống khác nhau, biết đặt lợi ích chung lên hàng đầu và trên lợi ích cá nhân, từ đó mà ra các quyết định tối ưu nhằm đưa đến hiệu quả cao nhất cho tổ chức.

*Thứ tư*, người lãnh đạo, quản lý nhất thiết phải hiểu rõ nhu cầu, lợi ích, động cơ hoạt động của các thành viên; phải biết tác động vào nhu cầu, lợi ích cấp thiết, chính đáng và trực tiếp để họ hành động tích cực nhằm thỏa mãn nhu cầu và lợi ích chính đáng của mình. Phải tạo điều kiện cho nhân viên cấp dưới phát huy tài năng của mình.

*Thứ năm*, người lãnh đạo, quản lý các quá trình kinh tế - xã hội trong thời đại ngày nay cần nhận thức sâu sắc và khẳng định rõ ràng vai trò quyết định của mình trong cơ chế quản lý. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, kể cả việc ra quyết

định và việc tổ chức thực hiện quyết định, người lãnh đạo, quản lý cũng giữ vai trò quyết định. Trong quan hệ với cơ chế quản lý, phải biết nắm vững cơ chế, biết điều hành bằng cơ chế, dám sửa đổi, bổ sung cơ chế khi cần thiết, xóa bỏ cơ chế cũ khi không còn phù hợp để xây dựng cơ chế mới và không bao giờ để cho cơ chế trói buộc, làm mất vai trò lãnh đạo, quản lý.

Như vậy, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với xu thế toàn cầu hóa các mối quan hệ kinh tế khu vực và quốc tế ngày càng sâu rộng, có ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia trên toàn thế giới. Trong bối cảnh đó, thì việc nghiên cứu các lý thuyết về phát triển khả năng lãnh đạo, quản lý là vấn đề có ý nghĩa thiết thực và chiến lược đáp ứng được yêu cầu thời kỳ phát triển mới với những cơ hội và thách thức mới. Đòi hỏi người lãnh đạo, quản lý phải rèn luyện mình và không ngừng học tập, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm, xây dựng cho mình có những tố chất của một người lãnh đạo, quản lý hiệu quả, từ đó, mới có khả năng lãnh đạo tổ chức mà mình giữ vai trò là người đứng đầu sẽ đi đến thành công. □

(i) Giáo trình Kỹ năng lãnh đạo.

# Giải pháp góp phần nâng cao chất lượng công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay

■ Luật gia: **TRẦN TIẾN HẢI**  
Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị

**T**rong những năm gần đây, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, chuyển đổi số mạnh mẽ và những biến động của kinh tế toàn cầu, vai trò của hỗ trợ pháp lý đối với doanh nghiệp càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật làm cơ sở để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 19/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025 và

Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 phê duyệt Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2030". Trên cơ sở các quy định đó để các cấp, các ngành, các địa phương ban hành văn bản và chỉ đạo hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến doanh nghiệp ngày càng được hoàn thiện. Nhiều luật quan trọng liên quan trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp đã được ban hành hoặc sửa đổi theo hướng minh bạch, tiệm cận hơn với thông

lệ quốc tế. Nhà nước đã nỗ lực cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính đã giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và giảm bớt rủi ro pháp lý không cần thiết. Nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp được nâng lên. So với trước đây, các chủ doanh nghiệp và nhà quản lý đã chủ động hơn trong việc tìm hiểu và tuân thủ pháp luật. Họ nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của việc tìm hiểu pháp luật để xây dựng nền tảng pháp lý vững chắc ngay từ đầu để tránh các tranh chấp, rủi ro sau này. Nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp ngày càng tăng. Số lượng và chất lượng của các công ty luật, văn phòng luật sư, các chuyên gia tư vấn đã tăng lên đáng kể. Cơ quan nhà nước đã thường xuyên tổ chức các buổi đối thoại chính sách, hội thảo, khóa tập huấn pháp luật, góp phần phổ biến kiến thức và tập hợp các vướng mắc của doanh nghiệp để kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền.

Tuy nhiên, chi phí thuê luật sư, tư vấn chuyên nghiệp vẫn còn cao so với khả năng tài chính của phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ và hộ kinh doanh; nhiều doanh nghiệp không biết tìm kiếm sự hỗ trợ pháp lý ở đâu, đơn vị nào uy tín, hoặc không hiểu rõ về các chương trình hỗ trợ miễn

phí, chi phí thấp của nhà nước; doanh nghiệp ở các vùng sâu, vùng xa gặp nhiều khó khăn hơn trong việc tiếp cận các dịch vụ pháp lý chất lượng cao. Nhiều chương trình hỗ trợ của nhà nước còn mang tính hình thức, nội dung chưa thực sự sát với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Hoạt động tư vấn, phổ biến pháp luật đôi khi còn chung chung, dàn trải, thiếu tính chuyên sâu cho từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể. Nguồn lực để triển khai các chương trình hỗ trợ còn hạn hẹp. Bên cạnh đó, một số quy định pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu ổn định và khó dự đoán, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật đôi khi còn chậm trễ, gây ra những khoảng trống pháp lý. Một bộ phận không nhỏ doanh nghiệp vẫn còn tâm lý ngại tiếp xúc với pháp luật, coi đây là vấn đề phức tạp, tốn kém và chỉ tìm đến luật sư khi “sự đã rồi”. Nhiều doanh nghiệp chưa xây dựng được bộ phận pháp chế nội bộ hoặc có nhân sự chuyên trách, dẫn đến việc xử lý các vấn đề pháp lý hàng ngày còn bị động và thiếu chuyên nghiệp.

Trong thời gian tới, để khắc phục những tồn tại trên và nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý, cần triển khai thực hiện tốt các giải pháp sau:

*Thứ nhất*, về phía các cơ quan nhà nước, cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh doanh theo hướng minh bạch, dễ tiếp cận và phù hợp với thông lệ quốc tế. Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ pháp lý quốc gia có mục tiêu rõ ràng, tập trung vào các đối tượng ưu tiên như doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp trong các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để cung cấp thông tin pháp lý một cách nhanh chóng, chính xác và miễn phí qua các cổng thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia. Nhà nước cần đóng vai trò “nhạc trưởng”, kết nối hiệu quả giữa doanh nghiệp, các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý và các hiệp hội doanh nghiệp. Cần tổ chức các diễn đàn đối thoại định kỳ giữa cơ quan quản lý và cộng đồng doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ các vướng mắc pháp lý.

*Thứ hai*, về phía các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý và đội ngũ chuyên gia

Cần đa dạng hóa và chuyên nghiệp hóa dịch vụ, cụ thể cần phát triển các gói dịch vụ pháp lý linh hoạt, chi phí hợp lý, phù hợp với quy mô và nhu cầu của từng loại hình doanh nghiệp như gói tư vấn theo giờ, gói tư vấn thường xuyên với chi phí cố định, gói tư vấn

cho các dự án khởi nghiệp. Khuyến khích chuyên môn hóa sâu theo ngành, lĩnh vực như pháp lý về thương mại điện tử, sở hữu trí tuệ, đầu tư, môi trường... Các tổ chức hành nghề luật sư, trung tâm tư vấn pháp luật cần thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để cập nhật kiến thức pháp luật mới và nâng cao kỹ năng tư vấn cho đội ngũ tư vấn viên, luật sư; đề cao đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan và bảo vệ lợi ích hợp pháp tối đa cho doanh nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) để xây dựng các nền tảng tư vấn pháp lý trực tuyến, tự động hóa việc soạn thảo hợp đồng, rà soát rủi ro pháp lý, giúp giảm chi phí và tăng khả năng tiếp cận cho doanh nghiệp.

*Thứ ba*, về phía các hiệp hội doanh nghiệp

Các hiệp hội cần chủ động tổng hợp các khó khăn, vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp thành viên để kiến nghị lên các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Xây dựng các bộ phận tư vấn pháp lý chuyên trách hoặc liên kết với các tổ chức luật sư uy tín để hỗ trợ trực tiếp cho các thành viên của mình. Tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn phổ biến kiến thức pháp luật chuyên đề, phù hợp với ngành nghề hoạt động của hiệp hội.

(Xem tiếp trang 16)

# MỘT SỐ BẤT CẬP

## về quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài

■ NGỌC HUYỀN

**T**hông thường, phán quyết do trọng tài quốc gia nào tuyên chỉ có hiệu lực trong phạm vi lãnh thổ quốc gia đấy. Tuy vậy, trong một số trường hợp, vì bên thua kiện không tự nguyện thi hành phán quyết của trọng tài nên phán quyết ấy mới cần được công nhận về hiệu lực pháp lý và cho phép thi hành ở nước ngoài. Do đó, quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài (TTNN) là quy định không thể thiếu trong việc đảm bảo lợi ích chính đáng của các chủ thể.

Cụ thể, theo khoản 1 Điều 425 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015<sup>(1)</sup>) thì người được thi hành hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của TTNN. Để thực hiện được quyền thì cần đảm bảo

một trong ba điều kiện sau: (1) cá nhân phải thi hành cư trú, làm việc tại Việt Nam vào thời điểm yêu cầu; (2) cơ quan, tổ chức phải thi hành có trụ sở chính tại Việt Nam vào thời điểm yêu cầu; (3) tài sản liên quan đến việc thi hành phán quyết của TTNN có tại Việt Nam vào thời điểm yêu cầu. Quy định này giúp việc công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN được thực hiện và tránh trường hợp khi được công nhận vẫn không thể cho thi hành.

Trong khi, tại Công ước New York năm 1958, Công ước này điều chỉnh những vấn đề về công nhận và thi hành các phán quyết TTNN giữa các quốc gia, mà quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN liên quan giữa các tổ chức, cá nhân nhiều hơn nên Công ước không quy định quá cụ thể về

vấn đề này. Tại Đức, việc công nhận và thi hành phán quyết TTNN được quy định từ Điều 1061 đến Điều 1065 Luật Trọng tài Đức. Theo đó, không có điều khoản riêng biệt quy định minh thị về quyền yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết TTNN. Nhưng có thể gián tiếp hiểu rằng các bên có quyền thực hiện việc yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết. Tại Vương quốc Anh, Luật Trọng tài quốc gia này không có điều khoản riêng biệt quy định minh thị về quyền yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết TTNN. Nhưng tương tự ở Đức, cũng có thể gián tiếp hiểu rằng các bên có quyền thực hiện việc yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết. So với quy định của Công ước New York năm 1958, pháp luật Việt Nam đã có sự cụ thể hóa về quyền yêu cầu công nhận và cho thi

hành phán quyết của TTNN. So với pháp luật của Đức và Vương quốc Anh, quy định nêu trên là một điểm sáng của pháp luật Việt Nam khi đã dành một điều khoản riêng biệt để quy định.

Tuy nhiên, quy định về quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN tại Việt Nam vẫn có sự bất cập. Cụ thể, theo khoản 1 Điều 425 BLTTDS năm 2015 thì chủ thể có quyền nộp đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN là người được thi hành hoặc người đại diện hợp pháp của họ. Trong khi, căn cứ khoản 1 Điều 451 BLTTDS năm 2015<sup>(2)</sup> thì có thể hiểu chủ thể có quyền nộp đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN là người được thi hành, người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ. Như vậy, so với quy định tại khoản 1 Điều 425 BLTTDS năm 2015, quy định tại khoản 1 Điều 451 BLTTDS năm 2015 có thêm chủ thể “người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ” cũng có quyền nộp đơn yêu cầu. Khi có sự khác nhau trên thì việc xác định chủ thể có quyền nộp đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN sẽ phải căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 425

hay khoản 1 Điều 451 BLTTDS năm 2015?

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 424 BLTTDS năm 2015 cũng có quy định ba điều kiện phải được đáp ứng đồng thời để phán quyết của TTNN được xem xét công nhận và cho thi hành tại Việt Nam: (1) là phán quyết cuối cùng của Hội đồng trọng tài giải quyết toàn bộ nội dung vụ tranh chấp; (2) là phán quyết chấm dứt toàn bộ quá trình tố tụng giữa các bên; (3) là phán quyết có hiệu lực thi hành. Thêm vào đó, pháp luật Việt Nam còn đảm bảo quyền kháng cáo, kháng nghị của các chủ thể thông qua việc quy định đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân khu vực, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có quyền kháng nghị quyết định công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN để yêu

cầu Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét lại (Điều 426 BLTTDS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025). Quy định này góp phần giúp phát hiện và sửa chữa những sai sót trong quá trình xét xử, tránh việc các chủ thể phải chịu thiệt hại từ những quyết định không đúng.

Tóm lại, việc quy định về quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN giúp tạo ra sự công bằng trong giải quyết tranh chấp và thể hiện sự tuân thủ các cam kết quốc tế của mỗi quốc gia thành viên. Nói cách khác, quy định về quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên thắng kiện cũng như tránh tình trạng phán quyết trọng tài bị lờ đi hoặc không được thực thi. □

-----  
(1) Người được thi hành hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, phán quyết của Trọng tài nước ngoài, nếu cá nhân phải thi hành cư trú, làm việc tại Việt Nam hoặc cơ quan, tổ chức phải thi hành có trụ sở chính tại Việt Nam hoặc tài sản liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, phán quyết của Trọng tài nước ngoài có tại Việt Nam vào thời điểm yêu cầu.

(2) Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày phán quyết của Trọng tài nước ngoài có hiệu lực pháp luật, người được thi hành, người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền gửi đơn đến Bộ Tư pháp Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của Bộ luật này trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không quy định hoặc không có điều ước quốc tế liên quan để yêu cầu Tòa án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết đó.

# Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân có phải là văn bản quy phạm pháp luật

■ PHẠM THÁI QUÝ

Để bảo đảm cho bộ máy hoạt động thông suốt, có hiệu lực, hiệu quả thì bất kỳ cơ quan, tổ chức nào sau khi được thành lập hoặc tổ chức lại đều phải ban hành Quy chế làm việc của cơ quan, tổ chức mình. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025, tại Điều 5 quy định: “Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát và hướng dẫn hoạt động của HĐND; ban hành Quy chế làm việc mẫu của HĐND”. Tại Điều 15 và Điều 21 của Luật này quy định, HĐND cấp tỉnh và HĐND cấp xã “Ban hành Quy chế làm việc của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND cấp mình”. Triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường

vụ Quốc hội (UBTVQH) về sắp xếp đơn vị hành chính, sau khi được kiện toàn tổ chức bộ máy, mặc dù UBTVQH vẫn chưa ban hành Quy chế làm việc mẫu nhưng HĐND các địa phương đã và đang soạn thảo ban hành Quy chế làm việc của HĐND cấp mình. Việc soạn thảo, ban hành vẫn chưa bảo đảm sự thống nhất giữa các địa phương về phạm vi nội dung cũng như hình thức nghị quyết là văn bản cá biệt hay là văn bản quy phạm pháp luật (QPPL). Hiện nay đang có 3 luồng quan điểm khác nhau về hình thức của Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của HĐND.

- Quan điểm thứ nhất cho rằng, Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của HĐND là văn bản QPPL bởi các lý do: Thứ nhất, bản dự thảo Nghị

quyết ban hành Quy chế làm việc mẫu mà UBTVQH đang soạn thảo có hình thức là văn bản QPPL nên Quy chế làm việc của HĐND phải ban hành theo hình thức văn bản QPPL. Thứ hai, các nội dung trong Quy chế làm việc có chứa các QPPL được áp dụng lặp đi, lặp lại nhiều lần; các quy phạm đó điều chỉnh đối với nhiều cơ quan như HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu, các đại biểu HĐND và các cơ quan khác. Thứ ba, tại Biểu mẫu số 18 Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP<sup>(1)</sup> thì HĐND ban hành các loại quy chế, trong đó có Quy chế làm việc phải theo hình thức văn bản QPPL. Thứ tư, theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại

khoản 24 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định: “Việc đăng ký xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh thực hiện theo Quy chế làm việc của HĐND” và tại khoản 4 Điều 47 của Nghị định này quy định về thẩm tra dự thảo nghị quyết thì: “Việc thẩm tra được thực hiện theo Quy chế làm việc của HĐND”, do đó Quy chế làm việc của HĐND phải là văn bản QPPL.

- Theo quan điểm thứ hai thì, tùy thuộc vào nội dung các điều khoản của Quy chế làm việc, nếu có các QPPL thì Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của HĐND là văn bản QPPL, ngược lại nếu trong Quy chế làm việc không có các QPPL thì Nghị quyết đó là văn bản cá biệt.

- Quan điểm thứ ba khẳng định rằng, Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của HĐND là loại văn bản cá biệt. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với quan điểm này bởi các lý do sau đây:

Thứ nhất, như bản thân tên gọi là Quy chế làm việc của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND; tức là quy chế điều chỉnh các quan hệ nội bộ trong phạm vi một cơ quan cụ thể là HĐND của một tỉnh, một xã cụ thể. Mặt khác, phạm vi điều chỉnh là những nguyên tắc, trách nhiệm, quy trình giải quyết công việc, trách nhiệm trong quan hệ công tác trong nội bộ của một cơ quan cụ

thể mà không đặt ra QPPL cho các cá nhân, cơ quan bên ngoài. Mặc dù Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định “Thường trực HĐND là cơ quan thường trực của HĐND” và “Ban của HĐND là cơ quan của HĐND”; tuy nhiên, đây không phải là những cơ quan đúng nghĩa đầy đủ là một pháp nhân. Cũng như Tổ đại biểu, Thường trực và các Ban bao gồm các chức danh là đại biểu của HĐND; Thường trực, các Ban không có con dấu, không có tài khoản riêng, chịu trách nhiệm trước HĐND khi thực hiện nhiệm vụ mà không có tính độc lập tuyệt đối với HĐND. Về thực chất thì Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu là những bộ phận cấu thành HĐND. Do đó, Quy chế làm việc này chỉ là Quy chế của một cơ quan cụ thể. Quy chế mà UBND tỉnh sẽ ban hành là Quy chế mẫu được áp dụng cho HĐND trong phạm vi cả nước nên đó là văn bản QPPL, nhưng khi HĐND của một tỉnh, một xã dựa trên Quy chế mẫu để ban hành Quy chế làm việc của mình thì đó là một văn bản cá biệt.

Thứ hai, Quy chế làm việc của HĐND có chứa đựng các QPPL hay không? Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành văn bản QPPL<sup>(2)</sup> thì “Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong phạm vi cả nước hoặc trong đơn vị hành chính nhất

định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định tại Luật này ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện”. Tạm thời loại bỏ yếu tố “do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định tại Luật này ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện” để tập trung luận giải cho vấn đề đang trao đổi thấy rằng, quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ là những yếu tố cần, còn yếu tố đủ phải là được áp dụng trong phạm vi cả nước hoặc trong đơn vị hành chính nhất định. Chính yếu tố không gian phạm vi địa giới hành chính mới là nơi thực hiện các quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung áp dụng ở bất kỳ địa điểm, không gian nào trong đơn vị hành chính (hiệu lực về không gian) chứ không phải áp dụng riêng (cá biệt) tại một địa điểm cụ thể.

Trở lại vấn đề đang trao đổi, do phạm vi nội dung điều chỉnh của Quy chế làm việc gồm các nguyên tắc hoạt động, chế độ trách nhiệm, quy trình giải quyết công việc; những nội dung này được áp dụng lặp đi, lặp lại nhiều lần đối với các chủ thể trong cơ quan đó, nên chắc chắn phải khẳng định Quy chế làm việc có chứa các quy tắc xử sự chung (quy phạm) có hiệu lực bắt buộc chung. Tuy nhiên, đây chỉ mới dừng lại ở điều kiện cần mà chưa đủ để trở thành QPPL vì chỉ được áp

dụng trong không gian cụ thể của một chủ thể mà không phải trong không gian phạm vi của một đơn vị hành chính như đã phân tích ở trên. Tức là chỉ mới dừng ở *quy phạm* chứ chưa phải là một QPPL.

Qua nghiên cứu một số Quy chế làm việc của HĐND các địa phương thấy rằng, ngoài những quy định thuần túy chỉ điều chỉnh các quan hệ giữa các chủ thể cấu thành HĐND còn có những quy định có liên quan đến các cơ quan khác như: Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan Thi hành án dân sự,... Các thành phần ngoài HĐND thường xuất hiện tại các quy định về trình tự, thủ tục<sup>(3)</sup> tại kỳ họp của HĐND, phiên họp của Thường trực và các Ban của HĐND. Cụ thể đó là những quy định về trình tự thời điểm và dung lượng thời gian mà đại diện các cơ quan tham gia trình bày tờ trình, phát biểu, trả lời những nội dung mà kỳ họp, phiên họp cần giải quyết. Vậy, các quy định điều chỉnh liên quan đến các cơ quan ngoài HĐND tại các kỳ họp, phiên họp có phải là các QPPL hay không, đây là vấn đề mà hiện nay rất nhiều người đang còn nhầm lẫn. Pháp luật luôn bắt nguồn từ cuộc sống, do đó để lý giải làm rõ điều này cần phải bắt đầu từ các tình huống trong đời sống xã hội. Chẳng hạn như, tại nơi cư trú, chúng ta không thể yêu cầu (đặt ra nghĩa vụ) gia đình hàng xóm không được

chăn nuôi gia súc, gia cầm mà chỉ có cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được ban hành quy định (QPPL) về khu vực cấm chăn nuôi. Tuy nhiên, trong trường hợp người hàng xóm đến nhà mình thì hoàn toàn có quyền đặt ra yêu cầu họ phải lột bỏ dầy, dép, nón, mũ trước khi bước vào nhà và họ phải tuân thủ các quy tắc xử sự của mình đặt ra trong phạm vi ngôi nhà của mình. Tương tự, việc ban hành Quy chế tiếp công dân trên địa bàn một tỉnh, một xã (trên một không gian phạm vi lãnh thổ đơn vị hành chính) thì chắc chắn phải chứa các QPPL nhưng khi ban hành Quy chế tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân của một tỉnh hoặc một xã (tại một địa điểm cụ thể) thì các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể chỉ dừng lại ở quy tắc xử sự chung mà chưa trở thành những QPPL. Trở lại vấn đề chính nêu trên, tại các kỳ họp, phiên họp của HĐND thì HĐND hoàn toàn có quyền đặt ra các quy tắc xử sự chung cho các chủ thể phải tuân thủ quy trình, thủ tục giải quyết công việc của HĐND. Ngược lại, khi đại diện HĐND tham dự các cuộc họp của các cơ quan khác thì cũng phải tuân theo Quy chế làm việc của các cơ quan đã mời mình đến dự họp. Các quy định đó chỉ dừng lại ở chỗ là những quy tắc xử sự chung trong phạm vi một địa điểm, một thời gian *cụ thể* (cá biệt); các quy tắc xử sự này mới chỉ là điều kiện cần mà chưa đủ yếu tố cấu thành

một QPPL vì thiếu yếu tố nền tảng đó là trong không gian phạm vi lãnh thổ của *một đơn vị hành chính* nhất định tỉnh, thành phố hoặc xã, phường, đặc khu.

Đối với các quy định về mối quan hệ công tác, mặc dù có đề cập đến các chủ thể khác bên ngoài HĐND nhưng các quy định này chỉ đặt ra nghĩa vụ của các chủ thể thuộc HĐND trong mối quan hệ với các chủ thể khác mà không đặt và không được phép đặt ra nghĩa vụ cho các chủ thể khác trong mối quan hệ công tác. Cũng như trong mỗi gia đình, chúng ta chỉ đặt ra trách nhiệm cho các thành viên phải đối xử tốt với những người hàng xóm mà hoàn toàn không có quyền đặt ra trách nhiệm cho những người hàng xóm phải đối xử tốt với mình. Mối quan hệ trách nhiệm qua lại giữa các cơ quan thường chỉ được đặt ra ở các quy định pháp luật của cấp trên<sup>(4)</sup> và trong các Quy chế phối hợp (cùng thỏa thuận, cùng ký và cùng thi hành). Do đó, không nên chỉ thấy xuất hiện tên của các cơ quan khác trong Quy chế mà cho rằng Quy chế đó đã điều chỉnh ra bên ngoài và các *quy tắc xử sự chung* đó là các QPPL.

*Thứ ba*, đối với Biểu mẫu số 18 Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP<sup>(5)</sup> dùng cho HĐND ban hành Quy định/Quy chế, đây là quy định chung, dự liệu cho mọi trường hợp xảy ra trong thực tiễn. Trường hợp

pháp luật giao cho HĐND ban hành các quy chế điều chỉnh các quan hệ xã hội thuộc loại văn bản QPPL thì sử dụng Biểu mẫu này chứ không phải tư duy ngược là từ Biểu mẫu này để bắt buộc HĐND khi ban hành mọi quy chế đều phải là văn bản QPPL. Chẳng hạn như, khi pháp luật giao cho HĐND phường ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị của phường thì HĐND phường sẽ sử dụng Biểu mẫu này. Tương tự, tại Biểu mẫu số 15, biểu mẫu Thông tư của Bộ Trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục thì không có nghĩa là khi các Bộ, ngành ban hành Quy chế làm việc của Bộ, ngành phải ban hành theo hình thức văn bản QPPL mà thực tế các Quy chế làm việc của các Bộ, ngành đã ban hành đều là Quyết định thuộc loại văn bản cá biệt<sup>(6)</sup>. Đơn cử như, khi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế làm việc của Bộ đã ban hành theo hình thức cá biệt (Quyết định số 355/QĐ-BGDĐT) nhưng khi ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng... thì phải ban hành Quy chế kèm theo Thông tư<sup>(7)</sup> là hình thức văn bản QPPL.

Đối với quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP về việc đăng ký xây dựng nghị quyết và việc thẩm tra dự thảo nghị quyết được thực hiện theo Quy chế làm việc của HĐND sẽ không làm thay đổi bản chất của Quy chế làm

việc từ văn bản cá biệt thành văn bản QPPL. Việc giải quyết những nội dung về đăng ký xây dựng nghị quyết và hoạt động thẩm tra dự thảo nghị quyết trong các trường hợp chỉ cần xem xét hồ sơ, tài liệu thì sẽ giải quyết theo quy trình xử lý công việc nội bộ của HĐND. Trong trường hợp phải tổ chức cuộc họp để các cơ quan giải trình làm rõ thêm thì đã thuộc trường hợp về phiên họp của Thường trực, cuộc họp của các Ban như đã trao đổi ở phần trên. Đây là những quy định dạng “tinh gọn” hệ thống pháp luật và “phân cấp” giao lại cho các quy phạm trong nội bộ các cơ quan điều chỉnh. Pháp luật không nhất thiết phải điều chỉnh hết mọi hoạt động của bộ máy nhà nước mà cần dành không gian cho các quy tắc, quy phạm nội bộ trong từng cơ quan.

*Thứ tư*, thêm một vấn đề cần lưu ý nữa là, năm 2005 UBND đã ban hành Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBND về việc ban hành Quy chế *hoạt động* của HĐND. Do tại thời điểm này chưa có Luật Hoạt động giám sát của HĐND; các quy định về tiếp công dân, tiếp xúc cử tri còn tản mạn ở các văn bản pháp luật khác nhau mà chưa có các văn bản pháp luật riêng. Do đó, trong Quy chế này đã quy định bao trùm hết các hoạt động của HĐND như hoạt động giám sát, hoạt động tiếp công dân, hoạt động tiếp xúc cử tri,... Căn cứ vào Quy

chế này, HĐND các cấp đã ban hành Quy chế *hoạt động* theo hình thức văn bản QPPL là phù hợp. Tuy nhiên, hiện nay đã có các văn bản pháp luật riêng về các hoạt động của HĐND<sup>(8)</sup> nên Luật Tổ chức chính quyền địa phương giao cho UBND ban hành Quy chế *làm việc* mẫu để HĐND các địa phương ban hành Quy chế làm việc của mình. Phạm vi của Quy chế *hoạt động* và Quy chế *làm việc* của HĐND là hoàn toàn khác nhau.

*Thứ năm*, đối với quan điểm cho rằng, nếu trong Quy chế có các QPPL thì Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của HĐND là văn bản QPPL, ngược lại nếu trong Quy chế không có các QPPL thì Nghị quyết đó là văn bản cá biệt. Với quan điểm và cách lập luận này thì đó là điều đương nhiên không cần phải bàn luận. Trước khi bắt tay vào soạn thảo một văn bản phải nghiên cứu, xác định tính chất, đặc điểm, nội dung quan hệ xã hội cần tác động để xác định loại hình văn bản là QPPL hay cá biệt, từ đó để tuân thủ quy trình soạn thảo và lựa chọn hình thức văn bản chứ không phải quá trình soạn thảo muốn tạo ra hay loại bỏ các quy phạm thì cứ làm. Luật Tổ chức chính quyền địa phương chỉ giao quyền hạn cho HĐND ban hành Quy chế làm việc của bản thân cơ quan mình, điều chỉnh các mối quan hệ nội bộ của một cơ quan cụ thể. Do đó, nếu tùy tiện đưa vào Quy chế những

QPPL điều chỉnh các chủ thể khác thì khi đó đã vượt quá khỏi phạm vi quyền hạn được luật giao và cũng đã vượt quá giới hạn phạm vi điều chỉnh trong Quy chế làm việc của một cơ quan cụ thể nên Quy chế đó là không hợp pháp. Bản chất, phạm vi điều chỉnh của Quy chế làm việc của tất

cả các cơ quan là giống nhau, không vì cơ quan này không có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL (TAND, VKSND, các Sở, ngành cấp tỉnh) thì phải ban hành theo hình thức cá biệt còn cơ quan khác có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL thì có quyền tạo ra các QPPL để ban hành theo hình thức văn bản QPPL.

*Tóm lại*, từ những luận giải nêu trên có thể khẳng định rằng, Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của HĐND không phải là văn bản QPPL. Tuy nhiên, đây chỉ là quan điểm của cá nhân nên rất mong sự tham gia trao đổi của các luật gia để có sự thống nhất trong nhận thức và thực hiện pháp luật. □

(1) Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

(2) Luật số 64/2026/QH15 ngày 19/02/2025 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

(3) Là nội dung về quy trình, cách thức giải quyết công việc thuộc phạm vi áp dụng của Quy chế làm việc.

(4) Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Tổ chức TAND, Luật Tổ chức VKSND, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND,...

(5) Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản QPPL và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL.

(6) Quyết định số 2402/QĐ-BTP ngày 27/11/2027 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 609/QĐ-BNV ngày 16/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

(7) Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025.

(8) Như: Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; Luật tiếp công dân; Nghị quyết của UBTVQH về hoạt động tiếp công dân của các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, HĐND và đại biểu HĐND các cấp; Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQVN, UBTVQH định việc tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp.

## Giải pháp...

*(Tiếp theo trang 9)*

*Thứ tư*, về phía bản thân các doanh nghiệp.

Chủ doanh nghiệp cần nhận thức rõ “phòng bệnh hơn chữa bệnh”. Việc chủ động tìm hiểu pháp luật và sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý ngay từ đầu sẽ giúp phòng ngừa rủi ro, tiết kiệm chi phí và thời gian so với việc giải quyết tranh chấp phát sinh. Xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật trong doanh nghiệp, coi việc tuân thủ pháp luật là một phần quan trọng của chiến lược kinh doanh bền vững. Đầu tư nguồn lực cho công tác pháp chế. Tùy theo quy mô, doanh nghiệp có thể xây dựng bộ phận pháp

chế nội bộ hoặc sử dụng dịch vụ pháp lý thuê ngoài một cách thường xuyên. Cần xem chi phí cho pháp lý là một khoản đầu tư cho sự an toàn và phát triển, chứ không phải là một gánh nặng chi phí.

Việc nâng cao chất lượng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không phải là trách nhiệm của riêng một bên nào mà đòi hỏi sự chung tay, phối hợp nhịp nhàng giữa Nhà nước, các nhà cung cấp dịch vụ, các hiệp hội và chính bản thân doanh nghiệp. Bằng cách triển khai đồng bộ các giải pháp trên, chúng ta có thể xây dựng một môi trường kinh doanh thực sự an toàn, minh bạch và cạnh tranh, tạo đà cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển mạnh mẽ và vươn xa. □

# XÂY DỰNG VĂN HÓA TUÂN THỦ PHÁP LUẬT TRONG KỶ NGUYÊN MỚI:

## YẾU TỐ THEN CHỐT để phát triển bền vững

■ HỒNG LUYẾN

Văn hóa tuân thủ pháp luật, dưới góc độ pháp lý không chỉ đơn thuần là việc chấp hành các quy định do Nhà nước ban hành, mà còn là sự hiểu biết, tôn trọng và tự giác thực hiện các quy phạm pháp luật như một lẽ sống. Nó thể hiện qua ý thức và hành vi của mỗi cá nhân, tổ chức trong việc chủ động tìm hiểu, áp dụng pháp luật vào đời sống và công việc. Văn hóa này còn bao gồm việc lên án, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật, thể hiện trách nhiệm công dân đối với xã hội. Dưới góc độ tư tưởng Hồ Chí Minh, Bác luôn coi trọng pháp luật và coi đó là công cụ để quản lý xã hội hiệu quả. Theo Bác, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, “pháp luật phải bảo vệ quyền lợi của Nhân dân”. Tuân thủ pháp luật không phải là hành động bị ép buộc mà là sự tự giác, xuất phát từ tinh thần yêu nước và trách nhiệm công dân. Bác nhấn mạnh, “pháp luật là của dân, do dân và vì

dân”. Do đó, để xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, cần phải làm cho pháp luật dễ hiểu, dễ thực hiện và gắn gũi với Nhân dân.

Đặt trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và bối cảnh phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, văn hóa tuân thủ pháp luật được tiếp cận theo hướng những giá trị, chuẩn mực được hình thành, phát triển nhằm phục vụ Nhân dân, vì mục tiêu chung của xã hội “dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”; được biểu hiện bằng thái độ tích cực, nhận thức đúng đắn về pháp luật, hành vi tự giác, chủ động chấp hành pháp luật, sẵn sàng bảo vệ pháp luật và đấu tranh chống lại các hành vi vi phạm pháp luật. Từ cách tiếp cận đó, có thể thấy rằng văn hóa tuân thủ pháp luật không tồn tại một cách biệt lập mà gắn bó mật thiết với toàn bộ đời sống pháp lý của xã hội. Việc phát triển văn hóa tuân thủ pháp luật hướng đến việc kiến tạo

một trật tự xã hội ổn định, đồng thời góp phần hình thành môi trường pháp lý tốt hơn.

Trong bối cảnh đất nước đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, hội nhập quốc tế sâu rộng và ứng dụng mạnh mẽ khoa học – công nghệ, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trở thành một yêu cầu cấp thiết. Một trong những trụ cột then chốt của quá trình này chính là việc hình thành một nền văn hóa tuân thủ pháp luật, nơi mà pháp luật không chỉ là công cụ quản lý mà còn là giá trị thiêng liêng, là chuẩn mực ứng xử của toàn xã hội. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đề ra một tầm nhìn chiến lược, các mục tiêu cụ thể và giải pháp đồng bộ để xây dựng văn hóa

tuân thủ pháp luật trong kỷ nguyên mới.

Nghị quyết 66-NQ/TW không chỉ là một văn bản chỉ đạo mà còn là sự khẳng định một tư duy mới: chuyển từ việc **buộc phải tuân thủ** sang **tự giác tuân thủ**. Đây là một sự thay đổi mang tính cách mạng, đòi hỏi phải có sự chuyển mình từ nhận thức đến hành động của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và toàn thể Nhân dân.

Trong những năm qua, nước ta đã có những bước tiến đáng kể trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao nhận thức pháp luật của người dân. Nhiều bộ luật, văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành và sửa đổi kịp thời để phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, thực trạng vi phạm pháp luật vẫn còn tồn tại ở nhiều lĩnh vực. Tình trạng vi phạm trật tự an toàn giao thông, vi phạm trong lĩnh vực môi trường, an toàn thực phẩm hay các hành vi gian lận thương mại, gian lận trên không gian mạng và tội phạm công nghệ cao vẫn diễn ra phổ biến. Điều này cho thấy, dù hệ thống pháp luật ngày càng chặt chẽ, nhưng văn hóa tuân thủ vẫn chưa thực sự ăn sâu vào ý thức của một bộ phận không nhỏ người dân và doanh nghiệp.

Có thể nói, trong giai đoạn thực hiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã đưa nước ta đạt được những thành tựu

nổi bật nhưng cũng mang đến những thách thức chưa từng có. **Thứ nhất**, sự phát triển vượt bậc của công nghệ đã tạo ra những loại hình tội phạm mới và phức tạp, đặc biệt là tội phạm công nghệ cao như lừa đảo trực tuyến, tấn công mạng, đánh cắp dữ liệu cá nhân... gây thiệt hại về kinh tế và an ninh trật tự. Hệ thống pháp luật cần phải liên tục cập nhật, sửa đổi, bổ sung để theo kịp tốc độ của công nghệ, nhưng đây là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn.

**Thứ hai**, không gian mạng trở thành một môi trường nơi tin giả, tin sai sự thật lan truyền với tốc độ chóng mặt, làm xói mòn niềm tin và gây mất ổn định xã hội. Việc quản lý và tuân thủ các quy tắc pháp lý trên không gian mạng trở nên hết sức phức tạp. **Thứ ba**, bối cảnh toàn cầu hóa đòi hỏi các cá nhân và doanh nghiệp không chỉ tuân thủ pháp luật trong nước mà còn phải nắm vững các quy tắc, công ước quốc tế để có thể hội nhập thành công. Sự thiếu hiểu biết hoặc cố tình vi phạm các quy định này có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến uy tín quốc gia và khả năng cạnh tranh trên thị trường toàn cầu.

Do đó, việc xây dựng văn hoá tuân thủ pháp luật có vai trò hết sức quan trọng. Quá trình hình thành văn hoá tuân thủ pháp luật chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố có thể kể đến như:

- **Chất lượng hệ thống pháp luật**, điều này thể hiện rằng, nếu hệ thống pháp luật đồng bộ, khả thi, minh bạch, dễ tiếp cận, công bằng, chi phí tuân thủ thấp thì càng dễ đi vào cuộc sống, tạo thuận lợi cho việc tuân thủ pháp luật và ngược lại, các quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, thậm chí có nhiều điểm nghẽn thì gây khó khăn trong thực hiện.

- **Trình độ dân trí và giáo dục pháp luật**, điều này có nghĩa là tri thức và sự hiểu biết về pháp luật được thể hiện thông qua những hiểu biết về pháp luật, sự nhận thức đúng đắn, đầy đủ, chính xác các quy định pháp luật cần tuân thủ, bởi không có tri thức pháp luật cần thiết thì không thể tuân thủ pháp luật một cách chính xác, nhận thức đúng đắn là cơ sở để có hành vi tuân thủ tự giác, việc thiếu hụt hoặc hiểu sai tri thức pháp luật là nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng vi phạm mang tính vô thức hoặc tuân thủ mang tính hình thức.

- **Nêu gương của cán bộ, đảng viên trong thực thi pháp luật**, có nghĩa là cán bộ, đảng viên không chỉ là người thực thi mà còn là người truyền cảm hứng, là tấm gương sống về văn hóa tuân thủ pháp luật. Họ phải là những người đầu tiên học tập, nắm vững và thực hiện nghiêm các quy định, từ những điều nhỏ nhất trong cuộc sống hằng ngày đến những nguyên tắc lớn trong công việc. Việc cán bộ,

đảng viên sống và làm việc theo pháp luật sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, củng cố lòng tin của Nhân dân vào sự công bằng và nghiêm minh của pháp luật. Ngược lại, những hành vi vi phạm của đội ngũ này sẽ làm xói mòn niềm tin, gây ra những hệ lụy khôn lường.

- **Hiệu quả công tác thi hành và xử lý vi phạm**, một trong những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến lòng tin của người dân vào pháp luật chính là hiệu quả của công tác thi hành và xử lý vi phạm. Khi pháp luật được thực thi một cách nhất quán, công bằng và không có ngoại lệ, người dân sẽ có động lực để tuân thủ. Ngược lại, một hệ thống thực thi thiếu minh bạch, với tình trạng “phép vua thua lệ làng” hoặc còn tồn tại “vùng cấm” sẽ làm xói mòn niềm tin, dẫn đến tâm lý nhờn luật và xem thường pháp luật. Do đó, Nghị quyết 66-NQ/TW đặc biệt nhấn mạnh việc tăng cường năng lực cho các cơ quan thực thi pháp luật, ứng dụng công nghệ số, công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo AI, Big Data để giám sát và xử lý vi phạm một cách khách quan, nhanh chóng.

- **Ảnh hưởng văn hoá – xã hội và truyền thống cộng đồng**. Điều này có nghĩa là, văn hóa tuân thủ pháp luật không thể tách rời khỏi nền tảng văn hóa – xã hội và truyền thống cộng đồng. Ở nước ta, những giá trị truyền thống như tình làng nghĩa

xóm, “dĩ hòa vi quý” hay việc trọng tình cảm, nể nang vẫn còn ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống xã hội. Những yếu tố này có thể trở thành rào cản khi người dân ưu tiên giải quyết các mâu thuẫn bằng tình cảm hơn là tuân thủ các quy định pháp luật một cách nghiêm minh. Do đó, việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật đòi hỏi phải có sự chuyển biến mạnh mẽ về tư duy, từ bỏ thói quen sống theo lệ làng để “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”.

Do đó, để xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật mang tính bền vững trong kỷ nguyên mới, theo tôi cần tập trung vào các nội dung chính sau đây:

**Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, có tính khả thi cao.** Đây là yếu tố quyết định để pháp luật đi vào cuộc sống. Một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, minh bạch và có tính khả thi là điều kiện tiên quyết. Các văn bản pháp luật cần được xây dựng trên cơ sở thực tiễn, có tầm nhìn chiến lược, dự báo được sự thay đổi của tương lai. Trong kỷ nguyên số, cần chú trọng xây dựng các đạo luật mới về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản lý giao dịch điện tử... Đồng thời, cần thường xuyên rà soát, sửa đổi các quy định lỗi thời, không còn phù hợp để tránh gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Quy trình xây dựng luật phải công khai, minh bạch, có sự tham gia đóng góp ý kiến rộng rãi của các

chuyên gia, nhà khoa học và người dân. Để nâng cao hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị trong xây dựng văn bản, cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đảm bảo tính đồng bộ, minh bạch và khả thi.

**Thứ hai, giáo dục, nâng cao nhận thức và đổi mới công tác phổ biến giáo dục pháp luật.** Giáo dục là nền tảng cốt lõi. Văn hóa tuân thủ phải được gieo mầm từ sớm, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Việc đưa nội dung pháp luật vào chương trình giáo dục phổ thông không chỉ giúp học sinh nắm vững kiến thức mà còn hình thành thái độ tôn trọng pháp luật ngay từ nhỏ. Cần đổi mới phương pháp giáo dục, thay vì chỉ truyền đạt lý thuyết khô khan, nên sử dụng các phương pháp tương tác, trò chơi, tình huống thực tế để kiến thức pháp luật trở nên gần gũi và dễ tiếp thu hơn.

Bên cạnh đó, công tác truyền thông, phổ biến giáo dục pháp luật phải được đẩy mạnh, đa dạng hóa và đổi mới toàn diện theo hướng ứng dụng công nghệ số. Trong đó, các kênh truyền thông truyền thống như truyền hình, báo chí cần kết hợp chặt chẽ với các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Zalo, TikTok, YouTube... để tiếp cận đông đảo người dân, đặc biệt là giới trẻ và các đối tượng khác nhau. Các thông điệp truyền thông cần ngắn gọn, trực quan, dễ hiểu, có tính lan tỏa cao và

phải được số hóa, thiết kế dưới nhiều hình thức hấp dẫn như video ngắn, infographic, podcast, trò chơi tương tác... Gia đình và cộng đồng cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục và giám sát, tạo ra một môi trường sống nơi mọi người tự giác tuân thủ và nhắc nhở lẫn nhau.

**Thứ ba, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật và xử lý vi phạm.** Pháp luật chỉ có giá trị khi được thực thi nghiêm minh. Một hành vi vi phạm không bị xử lý hoặc xử lý không công bằng sẽ làm xói mòn niềm tin của người dân vào pháp luật. Do đó, cần đảm bảo tính nghiêm minh, công bằng, không có “vùng cấm” trong việc xử lý vi phạm. Trong quá trình thực thi, cần tăng cường năng lực cho các cơ quan thực thi pháp luật, đặc biệt là trong việc đấu tranh với tội phạm công nghệ cao và các tội phạm liên quan đến các lĩnh vực dân sinh quan trọng khác như an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự... Các vụ án, vụ việc vi phạm pháp luật nghiêm trọng phải được đưa ra xét xử công khai, minh bạch, tạo tính răn đe cao, xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm, không có ngoại lệ, không có vùng cấm. Việc áp dụng công nghệ cao như AI, Big Data vào công tác quản lý, giám sát thi hành pháp luật sẽ giúp nâng cao hiệu quả, giảm thiểu tiêu cực

và tăng tính minh bạch như việc sử dụng hệ thống camera giám sát thông minh để phạt nguội các hành vi vi phạm giao thông, hay ứng dụng công nghệ trong việc quản lý thuế, hải quan... giúp giảm thiểu sự can thiệp của con người, tăng tính minh bạch và hiệu quả.

**Thứ tư, nâng cao vai trò của chính quyền và doanh nghiệp,** trong đó chính quyền phải là người đi đầu, làm gương trong việc tuân thủ pháp luật. Việc xây dựng một nền hành chính công minh bạch, hiệu quả, giảm thiểu các thủ tục rườm rà sẽ tạo môi trường thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tuân thủ. Chính quyền cũng cần tích cực lắng nghe, đối thoại với người dân và doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Đối với doanh nghiệp, việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật không chỉ là trách nhiệm mà còn là một lợi thế cạnh tranh. Một doanh nghiệp tuân thủ tốt các quy định về thuế, lao động, môi trường... sẽ tạo dựng được uy tín, được xã hội tôn vinh, thu hút được các đối tác và khách hàng. Do đó, các doanh nghiệp cần xây dựng các quy tắc ứng xử nội bộ, tổ chức các buổi đào tạo pháp luật định kỳ cho nhân viên và coi sự tuân thủ là một phần không thể thiếu trong văn hoá kinh doanh và chiến lược phát triển của mình.

**Thứ năm, nâng cao ý thức tự giác, tự tuân thủ của mỗi cá nhân, tổ chức.** Đây là nhiệm vụ mang tính cốt lõi và dài hạn. Phải tạo ra một môi trường sống, làm việc, học tập nơi mà mọi người đều nhận thức rằng tuân thủ pháp luật là bảo vệ chính mình và những người xung quanh. Cần khuyến khích mọi người chủ động tìm hiểu các quyền và nghĩa vụ của mình, mạnh dạn tố cáo các hành vi vi phạm. Từng người dân cần chủ động tìm hiểu, nâng cao kiến thức pháp luật thông qua các kênh chính thống. Coi việc tuân thủ pháp luật là một thói quen tốt, là một nét văn hóa của con người văn minh, hiện đại. Mỗi người dân cần mạnh dạn lên tiếng, tố cáo các hành vi vi phạm để cùng nhau xây dựng một xã hội công bằng, kỷ cương.

Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong kỷ nguyên mới là một hành trình dài và đầy thử thách, nhưng cũng là một yêu cầu tất yếu để phát triển. Đó không chỉ là câu chuyện của Nhà nước, mà là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Khi mỗi cá nhân, mỗi tổ chức đều coi việc tuân thủ pháp luật là lẽ sống, là kim chỉ nam cho mọi hành động, thì khi đó, chúng ta sẽ xây dựng được một xã hội văn minh, hiện đại, nơi pháp luật được tôn trọng và thượng tôn. Đây chính là nền tảng vững chắc để giúp nước ta tiến xa hơn trên con đường hội nhập và phát triển bền vững. □

# Một số ý kiến góp ý dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

■ **ThS. LÊ THỊ HUYỀN**

Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị

**Đ**ại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam là một sự kiện chính trị trọng đại, đánh dấu cột mốc lịch sử trên hành trình phát triển của đất nước. Đại hội không chỉ định hướng chiến lược cho toàn Đảng, toàn dân mà còn thể hiện quyết tâm vượt qua mọi thách thức để đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng được tiến hành vào thời điểm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng: tổng kết 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 35 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Trong phạm vi bài viết này, tôi có một số ý kiến góp ý vào Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban

Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (sau đây gọi tắt là Dự thảo Báo cáo chính trị).

Qua nghiên cứu, tôi nhận thấy Dự thảo Báo cáo chính trị đã phản ánh đầy đủ, khách quan và bao quát các nhiệm vụ chính trị của đất nước trong 5 năm qua. Đồng thời, Dự thảo đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, yếu kém, bất cập và các điểm nghẽn, nút thắt ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước chưa được tháo gỡ trong nhiệm kỳ qua. Đặc biệt, những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2025 - 2030 cùng các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược được đề xuất có tính khả thi, phù hợp với xu thế trong giai đoạn mới và đáp ứng kỳ vọng của cán bộ, đảng viên cùng Nhân dân cả nước. Về cơ bản, tôi thống nhất với các

nội dung của Dự thảo Báo cáo chính trị. Ngoài ra, tôi có một số góp ý cụ thể như sau.

## **Thứ nhất, về chủ đề**

Tôi đề xuất nghiên cứu, bổ sung cụm từ “*quyết liệt đổi mới, kiến tạo*” và viết lại theo hướng: “*Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, chung sức, đồng lòng quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030; quyết liệt đổi mới, kiến tạo, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội*”. Lý do là chủ đề cần thể hiện rõ điểm đột phá cần tập trung thực hiện trong nhiệm kỳ mới, đó là quyết tâm đổi mới tổ chức bộ máy, hoàn thiện thể chế phát triển để từng bước hoàn thiện hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, tinh gọn, hoạt

động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới và sự kỳ vọng của người dân đối với hệ thống chính trị các cấp.

### **Thứ hai, về bố cục**

Đề nghị cần điều chỉnh thứ tự, tích hợp một số định hướng phát triển để hợp lý hơn, cụ thể như sau:

*Một là*, chuyển Phần XIII - Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa lên sau Phần III - Về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước để đảm bảo sự gắn kết và logic hơn.

*Hai là*, chuyển Phần XIV - Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng lên sau Phần II - Quan điểm, mục tiêu xây dựng, phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Bởi công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng là một trong những nhiệm vụ then chốt để góp phần lãnh đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ khác.

*Ba là*, xem xét tích hợp Phần VII - Đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia vào Phần IV - Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính để đảm bảo sự liên kết, cô đọng và hệ thống hơn, tránh trùng lặp nội dung.

### **Thứ ba, về nội dung**

*Một là*, tại điểm“(5) Hạn chế, yếu kém, bất cập và những điểm nghẽn, nút thắt phát triển chưa được tháo gỡ” của mục “1. Về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII”, tôi đề xuất bổ sung, sửa đổi một số nội dung như sau:

- Ở trang 15 của Dự thảo Báo cáo chính trị (dòng thứ 8 từ trên xuống): *“Việc chậm hoàn thiện thể chế phát triển đã trở thành “điểm nghẽn của điểm nghẽn”, làm cản trở tăng trưởng và phát triển kinh tế- xã hội của đất nước”* đề nghị bổ sung cụm từ *“nhất là trên lĩnh vực đất đai, quản lý đầu tư, xây dựng... gây phiền hà, bức xúc cho người dân, doanh nghiệp”* và viết lại như sau: *“Việc chậm hoàn thiện thể chế phát triển đã trở thành “điểm nghẽn của điểm nghẽn”, nhất là trên lĩnh vực đất đai, quản lý đầu tư, xây dựng... gây phiền hà, bức xúc cho người dân, doanh nghiệp, làm cản trở tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”* nhằm phản ánh thực trạng các “điểm nghẽn” phát sinh trên thực tế.

- Ở trang 17 của Dự thảo Báo cáo chính trị (dòng thứ 12 từ dưới lên) đề nghị bổ sung thêm cụm từ *“tính ổn định của các văn bản pháp luật chưa cao, thường xuyên phải sửa đổi bổ sung”* vào sau cụm từ *“tổ chức thi hành pháp luật còn chưa tốt...”*, thành câu hoàn chỉnh là: *“tổ chức thi hành pháp luật còn chưa tốt, tính ổn định của các văn bản pháp luật chưa cao, thường xuyên phải sửa đổi bổ sung”* nhằm đánh giá đúng thực tế hạn chế, yếu kém về nội

dung này trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

*Ba là*, tại mục “4. Về các mục tiêu phát triển chủ yếu 05 năm 2026- 2030 (trang 27 của Dự thảo Báo cáo chính trị). Về mục tiêu xã hội đề nghị nâng chỉ tiêu về *“tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 40 đến 50%”* (chỉ tiêu dự thảo là 35 đến 40%) để phù hợp với định hướng phân luồng trong giáo dục và mục tiêu cụ thể của Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị “đến năm 2030 thu hút 50% học sinh trung học vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp”; thực tế hiện nay, các ngành, nghề có sử dụng lao động đều có tuyển dụng, yêu cầu về chứng chỉ, bằng cấp và việc đào tạo, cấp chứng chỉ nghề được các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện rất thuận lợi.

*Bốn là*, tại Phần III - Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước (trang 28 đến trang 30 của Dự thảo Báo cáo chính trị). Đề nghị xem xét, bổ sung nội dung: *“Xây dựng và hoàn thiện thể chế khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo”* để phù hợp với nhiệm vụ thứ 4, tại mục “1. Những nhiệm vụ trọng tâm” của Phần XV- Nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược (trang 62 của Dự thảo Báo cáo chính trị), đó là:“(4) Tập trung triển khai đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo nền tảng cho phát triển lực lượng sản xuất mới, hiện đại...”

(Xem tiếp trang 30)

# Mối quan hệ giữa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với công tác xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật

■ HẢI DŨNG

**T**rong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vấn đề thượng tôn pháp luật là một nguyên tắc vô cùng quan trọng. Để nguyên tắc này thực sự đi vào đời sống, ba hoạt động cốt lõi là xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và phổ biến, giáo dục pháp luật phải được vận hành một cách đồng bộ, nhịp nhàng và hiệu quả. Ba hoạt động này không phải là những hoạt động độc lập, tách rời mà tồn tại trong một mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại và là tiền đề tồn tại của nhau. Trong đó, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được xem là cầu nối, gắn kết hoạt động xây dựng pháp luật với tổ chức thực hiện pháp luật. Việc nhận thức sâu sắc và toàn diện mối quan hệ này có ý nghĩa lý luận và thực tiễn vô cùng quan trọng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật.

Công tác xây dựng pháp luật là giai đoạn đầu tiên, bao gồm toàn bộ hoạt động từ nghiên cứu, đề xuất chính sách, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, cho ý kiến và thông qua các văn bản quy phạm pháp luật. Mục tiêu của công tác này là thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, cụ thể hóa Hiến pháp, tạo ra một hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Công tác tổ chức thực hiện pháp luật là quá trình đưa các quy định của pháp luật từ trên văn bản vào đời sống xã hội. Công tác này bao gồm việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành, tổ chức bộ máy, nguồn lực để thực thi, áp dụng pháp luật, kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được xem là cầu nối trung gian không thể thiếu giữa hai

công tác trên. Phổ biến, giáo dục pháp luật là hoạt động có tổ chức của các chủ thể nhằm truyền tải thông tin pháp luật, hình thành tri thức, tình cảm và quan trọng nhất là ý thức tự giác tôn trọng, chấp hành pháp luật trong mọi cá nhân, tổ chức. Đây là quá trình tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, vận động để pháp luật thực sự đi vào tiềm thức và trở thành hành vi tự thân của mỗi người dân.

Giữa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và công tác xây dựng pháp luật có mối quan hệ biện chứng tác động qua lại lẫn nhau. Mối quan hệ này thể hiện rõ nét qua sự tương tác, ảnh hưởng lẫn nhau, trong đó phổ biến, giáo dục pháp luật vừa là “đầu vào” quan trọng, vừa là “đầu ra” cần thiết của quá trình xây dựng pháp luật. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật không chỉ là hoạt động diễn ra sau khi luật được ban hành mà còn tác động ngược trở lại, mang

những vấn đề phát sinh từ cuộc sống vào quá trình xây dựng pháp luật. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là kênh thu thập thông tin phản hồi từ thực tiễn để hoàn thiện hệ thống pháp luật. Thông qua các hình thức tuyên truyền như hội nghị tuyên truyền, tọa đàm, tiếp xúc cử tri, các cơ quan nhà nước có thể nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, đây là kênh hiệu quả để phát hiện những quy định pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp với thực tiễn hoặc những “khoảng trống” pháp lý cần được điều chỉnh.

Sự tác động của công tác xây dựng pháp luật đến phổ biến, giáo dục pháp luật, được thể hiện đó là: Việc xây dựng pháp luật là cung cấp “nguyên liệu” cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật. Nếu không có văn bản pháp luật thì không có nội dung để phổ biến. Hệ thống pháp luật càng hoàn thiện, đầy đủ thì nội dung của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật càng phong phú, toàn diện. Đặc biệt, chất lượng của văn bản pháp luật ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của công tác phổ biến. Một văn bản có ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, cấu trúc logic, quy định rõ ràng, cụ thể sẽ dễ dàng được tiếp nhận hơn nhiều so với một văn bản dùng nhiều thuật ngữ chuyên ngành phức

tạp, quy định chung chung, khó xác định. Bên cạnh đó, công tác xây dựng pháp luật định hướng trọng tâm cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật. Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản mới được ban hành chính là căn cứ để các cơ quan, đơn vị xác định nội dung, lĩnh vực cần ưu tiên phổ biến trong từng giai đoạn cụ thể. Điều này đảm bảo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật luôn bám sát yêu cầu thực tiễn, phục vụ kịp thời cho việc đưa các chính sách mới của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống.

Mối quan hệ hữu cơ giữa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và công tác tổ chức thực hiện pháp luật. Đây là mối quan hệ mật thiết nhất, trong đó phổ biến, giáo dục pháp luật là điều kiện tiên quyết và là giải pháp hỗ trợ đắc lực để nâng cao hiệu quả của việc đưa pháp luật vào thực tiễn.

Tác động của phổ biến, giáo dục pháp luật đến công tác tổ chức thực hiện pháp luật được thể hiện ở các nội dung như phổ biến, giáo dục pháp luật là tiền đề để hình thành ý thức tự giác chấp hành pháp luật, giảm thiểu sự cần thiết của cưỡng chế nhà nước. Mục tiêu cao nhất của việc thực thi pháp luật là mọi cá nhân, tổ chức đều tự nguyện tuân thủ. Muốn vậy, trước hết họ phải hiểu biết và có ý thức tôn trọng, chấp hành nghiêm túc

pháp luật. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trang bị kiến thức pháp lý, giúp người dân nhận thức rõ quyền, nghĩa vụ của mình và hậu quả pháp lý của hành vi vi phạm. Khi ý thức pháp luật được nâng cao, người dân sẽ chủ động thực hiện đúng các quy định, từ đó giảm bớt các hành vi vi phạm, góp phần duy trì trật tự kỷ cương xã hội một cách bền vững và ít tốn kém nhất.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần phòng ngừa vi phạm pháp luật từ sớm, từ xa. Thay vì chờ đợi vi phạm xảy ra rồi mới xử lý bằng việc cảnh báo về các hành vi vi phạm phổ biến, phân tích nguyên nhân và hậu quả, công tác này giúp nâng cao tinh thần cảnh giác, khả năng nhận thức của người dân trước những cám dỗ vi phạm pháp luật. Đây là giải pháp mang tính nhân văn và hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Bên cạnh đó, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là công cụ để người dân thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước. Khi người dân am hiểu pháp luật, họ có đủ cơ sở để giám sát hoạt động của cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ, đấu tranh với các hành vi tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, cửa quyền. Điều này thúc đẩy các cơ quan nhà nước phải hoạt động công khai, minh bạch và có trách nhiệm hơn, góp phần xây dựng một nền hành chính phục vụ.

Sự tác động của công tác tổ chức thực hiện pháp luật đến phổ biến, giáo dục pháp luật được thể hiện qua nội dung đó là: Tổ chức thực hiện pháp luật được xem là thước đo hiệu quả của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Công tác tổ chức thực hiện pháp luật củng cố niềm tin của người dân vào sự nghiêm minh của pháp luật, từ đó nâng cao giá trị của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Khi pháp luật được thực thi một cách công bằng, nghiêm túc, người dân sẽ tin tưởng vào sự công lý và tính răn đe của pháp luật. Niềm tin này tạo ra thái độ tôn trọng pháp luật và khiến người dân nghiêm túc hơn trong việc tiếp thu các nội dung được phổ biến, giáo dục. Ngược lại, nếu thực thi pháp luật lỏng lẻo, thiếu nhất quán, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật dù có làm tốt đến đâu cũng sẽ trở nên vô nghĩa. Công tác thực tiễn xét xử, xử lý vi phạm hành chính cung cấp những tình huống, vụ việc thực tế sinh động cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Việc phân tích các vụ án cụ thể, các tình huống pháp lý điển hình sẽ giúp người dân dễ hình dung, dễ nhớ và rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân. Đây là phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật trực quan, có sức thuyết phục cao hơn nhiều so với việc chỉ trình bày các quy định của điều luật.

Trong những năm qua, nhận thức về mối quan hệ này

đã được nâng lên. Công tác xây dựng pháp luật ngày càng chú trọng việc lấy ý kiến nhân dân; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã có nhiều đổi mới về nội dung và hình thức; công tác tổ chức thực hiện pháp luật ngày càng đi vào nề nếp. Tuy nhiên, sự phối hợp, gắn kết giữa ba lĩnh vực này đôi khi vẫn còn những hạn chế nhất định. Có lúc, phổ biến, giáo dục pháp luật vẫn mang tính hình thức; việc tổng kết thực tiễn thi hành pháp luật để phục vụ cho công tác xây dựng pháp luật chưa được thực hiện thường xuyên; tình trạng “nhờn luật” do xử lý vi phạm chưa nghiêm vẫn còn tồn tại. Để thực hiện tốt mối quan hệ này, trong thời gian tới cần nâng cao hơn nữa vai trò của phổ biến, giáo dục pháp luật trong quy trình xây dựng pháp luật; cần thể chế hóa, quy định bắt buộc việc tổ chức các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, lấy ý kiến sâu rộng đối với các dự án luật quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến xã hội. Kết quả tổng hợp ý kiến phải được xem là một nguồn thông tin đầu vào quan trọng và phải được giải trình, tiếp thu một cách nghiêm túc. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, chuyển từ phổ biến một chiều sang đối thoại, tương tác hai chiều. Ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội để đưa pháp luật đến với người dân một cách nhanh chóng, hấp dẫn.

Chú trọng phổ biến, giáo dục pháp luật theo nhu cầu của từng nhóm đối tượng cụ thể; gắn kết chặt chẽ hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật với tổng kết thi hành pháp luật. Các cơ quan tư pháp, cơ quan thi hành pháp luật cần định kỳ tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, những loại vi phạm phổ biến để cung cấp thông tin cho các cơ quan xây dựng pháp luật và cơ quan làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Nói tóm lại, mối quan hệ giữa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với công tác xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật là một mối quan hệ biện chứng, đa chiều và không thể tách rời. Nếu xây dựng pháp luật được ví như việc thiết kế nên “bộ khung xương” của Nhà nước pháp quyền, tổ chức thực hiện pháp luật là hoạt động của “cơ bắp” để đảm bảo bộ khung đó vận hành, thì phổ biến, giáo dục pháp luật chính là “hệ tuần hoàn”, đưa “dưỡng chất” pháp lý đến từng “tế bào” của xã hội, tạo nên một cơ thể sống động, khỏe mạnh và phát triển bền vững. Tăng cường sự gắn kết nhuần nhuyễn, đồng bộ giữa ba trụ cột này chính là con đường tất yếu để xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. □

# Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật qua hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở

## ■ TUYẾT HÀ

Với sự phát triển mạnh mẽ của các loại hình truyền thông hiện đại, mạng xã hội, hệ thống loa truyền thanh cơ sở (TTCS) vẫn luôn là kênh truyền thông quan trọng trong việc truyền tải chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với người dân. Đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, việc chuyển tải các thông tin nói chung và kiến thức pháp luật nói riêng đến với nhân dân thông qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở vẫn là một phương tiện có ưu thế rất lớn.

Quảng Trị là một địa phương được sáp nhập từ 2 tỉnh là Quảng Bình (cũ) và Quảng Trị (cũ), có 78 xã, phường và đặc khu (69 xã, 08 phường và 01 đặc khu Cồn Cỏ). Sau khi sắp xếp, bộ máy của tỉnh dần đi vào hoạt động ngày càng nền nếp, ổn định, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân

và doanh nghiệp. Cùng với việc kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động, tỉnh phải triển khai hàng loạt các nhiệm vụ để phù hợp với tình hình mới, nhiệm vụ mới. Song song với việc triển khai các nhiệm vụ mới, công tác tuyên truyền, phổ biến đưa các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với người dân trên địa bàn đã được chú trọng bằng nhiều hình thức khác nhau như tổ chức hội nghị, phát hành tài liệu, qua mạng xã hội như Zalo, Facebook, qua hệ thống loa TTCS... Mỗi hình thức tuyên truyền có những ưu điểm, nhược điểm riêng, tuy nhiên, hình thức truyền thông qua hệ thống loa TTCS chứa đựng nhiều ưu điểm như: Không phải triệu tập đối tượng cần tuyên truyền đến một địa điểm chung, không mất thời gian

của người dân, giảm chi phí tổ chức, nhiều đối tượng tiếp cận thông tin; thông tin truyền đạt chính xác, dễ được tiếp thu, quy trình xây dựng chương trình phát sóng chặt chẽ với sự kiểm duyệt, biên tập, duyệt tin chặt chẽ, chính xác cao về thông tin; thông tin được lựa chọn thời lượng ngắn, cô đọng súc tích, phù hợp với các nhóm đối tượng, dễ tiếp thu, dễ nhớ; nội dung tuyên truyền luôn được chủ động, phù hợp với nhóm đối tượng, địa bàn và tình hình kinh tế xã hội của từng địa phương; nguồn thu thập thông tin để phát sóng đa dạng, phong phú, thuận tiện; cách thức cung cấp thông tin linh hoạt cho phép sử dụng phương pháp truyền thống đó là đọc trực tiếp thông qua Micro và phát trực tiếp lên hệ thống loa tại Nhà văn hoá xóm, thôn hoặc ghi âm bằng điện thoại, thu âm tích hợp vào USB, thẻ nhớ sau đó phát thanh, hoặc có thể sử dụng máy vi tính đầu nối trực tiếp với hệ thống phát thanh hoặc sử dụng Micro thu thanh qua loa để phát thanh lên hệ thống loa phát thanh hoặc kết nối

Bluetooth để kết nối với các thiết bị khác để thực hiện phát thanh cung cấp thông tin; chủ động thời gian cung cấp thông tin, cơ quan có thẩm quyền có thể căn cứ vào đặc điểm của từng khu vực dân cư để xây dựng lịch phát thanh cho phù hợp...

Hiện nay, trong điều kiện các địa phương sau sắp xếp, việc sử dụng hệ thống loa TTCS càng phát huy tác dụng, khi mà khoảng cách địa lý đến trụ sở UBND xã, phường xa hơn, thì hệ thống loa TTCS đóng vai trò là kênh thông tin truyền thông thiết yếu và nhanh chóng, hiệu quả, tuy nhiên hệ thống TTCS đang còn một số tồn tại như: nhiều “loa phát thanh” ở các thôn “tê liệt”, xuống cấp, không sử dụng được, loa hỏng, bị rè, không rõ tiếng... Bên cạnh đó, chúng ta đang triển khai thực hiện Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin với mục tiêu: Hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở nhằm đổi mới phương thức cung cấp thông tin, nâng cao chất lượng nội dung thông tin để cung cấp, trao đổi thông tin theo hướng chủ động,

kịp thời, chính xác và hiệu quả; hình thành cơ sở dữ liệu, số hóa nguồn thông tin cơ sở đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin nguồn tuyên truyền, phổ biến đến người dân và phục vụ công tác quản lý nhà nước về thông tin cơ sở; thực hiện thông tin hai chiều để người dân tiếp nhận thông tin thiết yếu và phản ánh thông tin về hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật ở cơ sở đến các cơ quan quản lý thông qua hệ thống TTCS. Điều này đòi hỏi tăng cường sử dụng hệ thống TTCS để truyền thông. Từ thực tiễn và yêu cầu đó, đòi hỏi chúng ta phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của hệ thống TTCS đó là:

#### ***Thứ nhất, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong TTCS***

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trong vận hành sử dụng hệ thống TTCS. Theo đó, hệ thống TTCS phải đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn thông tin theo quy định; được kết nối trực tiếp đến “hệ thống thông tin nguồn và thu thập, tổng hợp, phân tích, quản lý dữ liệu đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở” để nhận nội dung phát thanh.

#### ***Thứ hai, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hệ thống TTCS***

Việc thiết kế, đầu tư, thiết lập hệ thống loa TTCS cần thực hiện xác định cấp độ, triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ của hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật. Đầu tư, thay mới các thiết bị thu âm, phát sóng bị hỏng, các loa bị rè, loa bị hỏng, không sử dụng được; bố trí mới thiết bị truyền thông ở những địa bàn vùng sâu, vùng xa để cung cấp thông tin cho người dân.

#### ***Thứ ba, giải pháp chất lượng nội dung truyền thông***

Nội dung truyền thông cần ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ, kịp thời, thiết thực với đối tượng. Về khung giờ phát sóng, cần lựa chọn thời gian phù hợp, thu hút người dân lắng nghe.

#### ***Thứ tư, tăng cường năng lực cho đội ngũ là công tác truyền thông cơ sở***

Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ vận hành hệ thống loa TTCS, đội ngũ biên soạn tài liệu, đọc thu âm tài liệu tuyên truyền. Tổ chức hội nghị hội thảo về ứng dụng thông tin trong TTCS; biểu dương, khen thưởng những mô hình hay, cách làm sáng tạo ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động TTCS. □

# MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC trong thực tiễn thi hành một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về tư vấn pháp luật

## ■ TRẦN CÔNG TRUNG

**H**oạt động tư vấn pháp luật có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, đặc biệt trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, đồng thời góp phần xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng và văn minh. Tư vấn pháp luật không chỉ đơn thuần là giải đáp thắc mắc mà còn là công cụ quan trọng để bảo vệ quyền lợi, nâng cao hiểu biết và xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, nơi pháp luật được tôn trọng và thượng tôn.

Ngày 11/6/2003, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 65/2003/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật. Tuy nhiên, qua một thời gian triển khai thực hiện, Nghị định này đã bộc lộ một số hạn chế như: phạm vi hoạt động của các trung tâm tư vấn pháp luật còn rất hạn chế, chủ yếu chỉ dừng lại ở việc hướng dẫn, giải đáp pháp luật và soạn thảo các giấy tờ đơn giản. Nghị định này nghiêm cấm việc các trung tâm tư vấn tham gia vào các hoạt động tố tụng “*Trung tâm tư vấn pháp luật không được nhận thực hiện việc bào chữa, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp*

*của bị can, bị cáo, các đương sự khác trước các cơ quan tiến hành tố tụng”* (khoản 2 Điều 7 Nghị định số 65/2003/NĐ-CP; chỉ cho phép các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp cấp tỉnh và trung ương được thành lập các trung tâm tư vấn pháp luật. Điều này đã làm hạn chế sự phát triển của các tổ chức tư vấn pháp luật...

Nghị định số 77/2008/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 16/7/2008, là một cột mốc quan trọng trong việc hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động tư vấn pháp luật tại Việt Nam tại thời điểm đó. Sự ra đời của Nghị định này xuất phát từ những lý do và yêu cầu thực tiễn, nhằm thay thế cho Nghị định số 65/2003/NĐ-CP đã bộc lộ nhiều hạn chế. So với Nghị định số 65/2003/NĐ-CP thì Nghị định số 77/2008/NĐ-CP có một số ưu điểm vượt trội.

*Một là*, đã mở rộng hơn phạm vi hoạt động, cho phép các trung tâm tư vấn pháp luật được thực hiện các hoạt động toàn diện hơn, bao gồm: tư vấn pháp luật trong tất cả các lĩnh vực; cử luật sư làm việc theo hợp đồng cho trung tâm

tham gia tố tụng để bào chữa, đại diện hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng; thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật “*Trung tâm tư vấn pháp luật được thực hiện tư vấn pháp luật; được cử luật sư làm việc theo hợp đồng cho Trung tâm tham gia tố tụng để bào chữa, đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức yêu cầu tư vấn pháp luật đối với vụ việc mà Trung tâm thực hiện tư vấn pháp luật; được thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý. Trung tâm tư vấn pháp luật được nhận và thực hiện vụ việc trong tất cả các lĩnh vực pháp luật”*.

*Hai là*, Nghị định số 77/2008/NĐ-CP đã mở rộng hơn về chủ thể được thành lập trung tâm tư vấn pháp luật, bao gồm cả: Các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị xã hội - nghề nghiệp, xã hội - nghề nghiệp cấp huyện; các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu chuyên ngành luật. Quy định này giúp tạo ra nhiều trung tâm tư vấn hơn, đưa dịch vụ pháp lý đến gần hơn với người dân ở các địa phương, đặc biệt là ở cấp cơ sở.

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Sự ra đời của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc chuyên nghiệp hóa và chuẩn hóa hoạt động tư vấn pháp luật. Nó không chỉ mở rộng quyền và phạm vi hoạt động của các trung tâm tư vấn, mà còn tăng cường trách nhiệm, đảm bảo chất lượng dịch vụ và bảo vệ quyền lợi của người được tư vấn. Nhờ đó, hoạt động tư vấn pháp luật trong thời gian qua đã trở nên gần gũi, hiệu quả hơn, góp phần quan trọng vào việc nâng cao nhận thức pháp luật và bảo vệ công lý trong xã hội.

Mặc dù Nghị định số 77/2008/NĐ-CP đã tạo ra những bước chuyển tích cực đối với hoạt động tư vấn pháp luật, tuy nhiên, trong thực tiễn thi hành, Nghị định này vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc gây khó khăn cho hoạt động tư vấn pháp luật, nhất là trong thời điểm hiện tại, thời kỳ bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

*Thứ nhất*, phạm vi điều chỉnh vẫn còn hẹp chủ yếu tập trung vào các tổ chức tư vấn pháp luật có tư cách pháp nhân và hoạt động phi lợi nhuận. Nghị định này chỉ tập trung: Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu chuyên ngành được thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật. Điều này vô hình chung đã bỏ ngỏ hoặc chưa có quy định rõ ràng cho nhiều hình thức tổ chức, cá nhân khác có khả năng

cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, ví dụ như các văn phòng luật sư độc lập, các công ty luật có yếu tố nước ngoài hoặc các chuyên gia pháp lý hoạt động tự do. Sự thiếu vắng các quy định này dẫn đến tình trạng quản lý chưa đồng bộ, khó kiểm soát chất lượng dịch vụ và tiềm ẩn rủi ro cho người tìm kiếm sự trợ giúp pháp lý.

Bên cạnh đó, quy định về các loại hình tổ chức tư vấn pháp luật cũng còn thiếu sự linh hoạt. Nghị định chủ yếu đề cập đến các Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Hội Luật gia, các tổ chức tư vấn pháp luật thuộc Đoàn Luật sư và các tổ chức tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội. Trong khi đó, sự phát triển của nền kinh tế thị trường và nhu cầu đa dạng của xã hội đòi hỏi sự xuất hiện của nhiều mô hình tư vấn pháp luật mới, có thể là các quỹ hỗ trợ pháp lý, các dự án tư vấn pháp luật cộng đồng hoặc các nền tảng công nghệ cung cấp dịch vụ pháp lý trực tuyến. Việc Nghị định chưa có những quy định mở để khuyến khích và quản lý các mô hình này đã hạn chế sự đa dạng hóa và chuyên nghiệp hóa của lĩnh vực tư vấn pháp luật.

*Thứ hai*, một số quy định trong Nghị định còn chung chung, chưa cụ thể, rõ ràng, nhất là trong việc thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật. Cụ thể: tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 77/2008/NĐ-CP quy định về điều kiện thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật: “có ít nhất hai tư vấn viên pháp

luật hoặc tư vấn viên pháp luật và một luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động hoặc hai luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động”. Tuy nhiên, thường thì các Trung tâm tư vấn pháp luật được cơ quan chủ quản thành lập mới nên tại thời điểm thành lập không có tư vấn viên pháp luật. Trung tâm chỉ có tư vấn viên pháp luật khi được cấp giấy đăng ký hoạt động và cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật. Vì vậy, tại thời điểm thành lập mà không có đủ tư vấn viên pháp luật thì cũng chưa thỏa mãn với quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này. Nếu cơ quan chủ quản hợp đồng với Tư vấn viên của các trung tâm khác để thành lập trung tâm thì trái với quy định của pháp luật, vì một tư vấn viên pháp luật chỉ được phép làm việc cho một trung tâm tư vấn pháp luật “*Tư vấn viên pháp luật chỉ được làm việc cho một Trung tâm tư vấn pháp luật hoặc một Chi nhánh. Tư vấn viên pháp luật có thể đồng thời kiêm nhiệm vị trí công tác khác của tổ chức chủ quản nhưng phải bảo đảm công việc đó không ảnh hưởng đến hoạt động tư vấn pháp luật*” (khoản 1 Điều 14 Thông tư số 01/2010/TT-BTP).

*Thứ ba*, quy định về tiêu chuẩn chuyên môn của tư vấn viên chưa thực sự chặt chẽ. Nghị định số 77/2008/NĐ-CP đã đặt ra các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, nhưng nhìn chung, các tiêu chuẩn này vẫn chưa thực sự

chặt chẽ và đồng bộ với các quy định về hành nghề luật sư. Cụ thể, về đội ngũ tư vấn viên pháp luật, Nghị định quy định có thể là luật sư, chuyên viên pháp lý, hoặc những người có kiến thức pháp luật, kinh nghiệm công tác pháp luật. Tuy nhiên, việc phân định rõ ràng về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và đạo đức nghề nghiệp giữa các nhóm này còn chưa đủ sức thuyết phục. Trong khi hành nghề luật sư có những yêu cầu nghiêm ngặt về đào tạo, kiểm tra, sát hạch và chịu sự quản lý chặt chẽ của Đoàn Luật sư, thì các tư vấn viên pháp luật khác lại ít có những cơ chế kiểm soát tương đương. Điều này có thể dẫn đến tình trạng chất lượng tư vấn không đồng đều, thậm chí có những trường hợp tư vấn sai lệch, gây ảnh hưởng tiêu cực đến quyền lợi của

người dân. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị, Nghị định có quy định nhưng không cụ thể hóa mức độ yêu cầu. Điều này có thể tạo ra sự tùy tiện trong việc đánh giá và công nhận các tổ chức tư vấn pháp luật, làm giảm tính chuyên nghiệp và uy tín của hoạt động này.

*Thứ tư*, cơ chế quản lý và giám sát chưa hiệu quả. Cơ chế quản lý và giám sát hoạt động tư vấn pháp luật theo Nghị định số 77/2008/NĐ-CP còn bộc lộ những điểm yếu. Việc phân cấp quản lý giữa Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp và các tổ chức xã hội nghề nghiệp (Hội Luật gia, Đoàn Luật sư) đôi khi còn chồng chéo hoặc chưa rõ ràng, dẫn đến khó khăn trong việc phối hợp và xử lý các vấn đề phát sinh.

Đặc biệt, công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động của các tổ chức tư vấn pháp luật còn hạn

chế về số lượng, tần suất và chiều sâu. Nhiều tổ chức hoạt động chưa đúng quy định nhưng chưa được phát hiện và xử lý kịp thời. Các quy định về xử lý vi phạm cũng chưa đủ mạnh để răn đe. Sự thiếu vắng một cơ sở dữ liệu tập trung, cập nhật về các tổ chức và cá nhân tư vấn pháp luật cũng gây khó khăn cho việc tra cứu thông tin, đánh giá và lựa chọn dịch vụ tư vấn của người dân.

Chính vì những lý do ở trên, thiết nghĩ trong thời gian tới, Chính phủ cần xem xét ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 77/2008/NĐ-CP hoặc ban hành Nghị định mới thay thế để hoạt động tư vấn pháp luật thật sự phát huy được hiệu quả trong thời gian tới, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong tình hình mới. □

## Một số ý kiến...

(Tiếp theo trang 22)

Năm là, tại Phần XII - Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc (trang 50 của Dự thảo Báo cáo chính trị, dòng thứ 13 từ trên xuống), đề nghị chỉnh sửa nội dung: “*Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, tổ chức tự quản cộng đồng trong đại diện thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân*” thành “*Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức tự quản cộng đồng trong đại diện thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân*.” để đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 9, Hiến pháp năm 2013, sửa đổi

bổ sung năm 2025 (các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

Tóm lại, dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV nói chung và dự thảo Báo cáo chính trị nói riêng mang tính khái quát cao, được diễn đạt theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu, dễ triển khai thực hiện, thể hiện sự quyết liệt, tư duy mới của Đảng ta. Mong muốn rằng, những ý kiến đóng góp trên sẽ góp phần xây dựng, hoàn thiện báo cáo bảo đảm tính khách quan, khoa học, phù hợp với thực tiễn đất nước, xu thế thời đại và đáp ứng kỳ vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân cả nước. □

### Tài liệu tham khảo:

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2025.

# TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

## chính sách nhân đạo, tiến bộ bảo vệ quyền con người, quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người

### ■ THU HƯƠNG

Vấn đề quyền con người là một chủ đề được cộng đồng quốc tế và các quốc gia dành sự quan tâm đặc biệt. Tại Việt Nam, ghi nhận và bảo đảm quyền con người luôn được Nhà nước coi trọng và thúc đẩy. Điều này được thể hiện thông qua nhiều chủ trương, chính sách cũng như quy định pháp luật có liên quan đến quyền con người tại Việt Nam trong nhiều năm qua. Trong các chính sách đó có thể kể đến chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người yếu thế, người dễ tổn thương...

Ngày 31/5/1995, Văn phòng Trung ương Đảng đã ra Thông báo số 485/CV-VPTW về ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư đối với Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật đã đề nghị Ban cán sự Đảng Chính phủ, Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp: “*cần nghiên cứu lập hệ thống dịch vụ tư vấn pháp luật không lấy tiền*

*để hướng dẫn nhân dân sống và làm việc theo pháp luật*”. Trong thư ngày 20/12/1995 gửi cán bộ, nhân viên ngành Tư pháp nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập ngành, nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười một lần nữa nhấn mạnh: “*Nhà nước phải nghiên cứu sớm thành lập một hệ thống các tổ chức tư vấn pháp luật không mất tiền dành cho người nghèo, các gia đình thuộc diện chính sách và đồng bào dân tộc thiểu số*”. Những chỉ đạo này đã định hướng đổi mới tư duy về công tác cung ứng dịch vụ pháp lý, đặt dấu mốc cho quá trình chuyển biến trong nhận thức, tạo tiền đề về mặt chính trị - pháp lý cho sự ra đời và phát triển của công tác TGPL trong giai đoạn tiếp theo. Tại kỳ họp lần thứ 3, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII ngày 18/6/1997, lần đầu tiên trong Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ đạo định hướng

triển khai công tác TGPL theo hướng: “*Tổ chức hình thức tư vấn pháp luật cho các cơ quan, tổ chức và nhân dân, tạo điều kiện cho người nghèo được hưởng dịch vụ tư vấn pháp luật miễn phí*”. Đây là cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng, tiếp tục khẳng định quyết tâm chính trị của Đảng trong việc bảo đảm quyền được tiếp cận pháp luật của người nghèo và nhóm yếu thế. Trên cơ sở đó Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 734/TTg ngày 06/9/1997 về việc thành lập tổ chức TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách. Triển khai Quyết định này, hệ thống tổ chức thực hiện TGPL đã được thành lập trong cả nước. Cục Trợ giúp pháp lý thuộc Bộ Tư pháp được thành lập giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý nhà nước về TGPL trong toàn quốc từ năm 1997.

Ngày 20/6/2006, Quốc hội khóa X đã ban hành Luật Trợ

giúp pháp lý, đánh dấu bước phát triển mới trong hoạt động TGPL. Sau hơn 10 năm tổ chức thi hành, trước yêu cầu phát triển của đất nước, triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, nhiều đạo luật, luật về tổ tụng quan trọng mới được Quốc hội ban hành, công cuộc cải cách pháp luật, cải cách tư pháp... đã đặt ra yêu cầu cần đổi mới công tác TGPL theo hướng tập trung thực hiện vụ việc TGPL, ngày 20/6/2017, Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 3 đã thông qua Luật TGPL năm 2017 (100% đại biểu có mặt tán thành). Công tác trợ giúp pháp lý đã được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước với việc ban hành Luật Trợ giúp pháp lý và giao nhiệm vụ cho công tác tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Cùng với đó, các quy định về trợ giúp pháp lý cũng đã được đồng bộ hóa trong các Bộ luật, luật khác như Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Thi hành hành chính và Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam, Luật Trẻ em, Luật Người khuyết tật, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Đặc biệt, tại kỳ họp thứ 8 khóa XIII, Quốc hội đã thông qua Luật Phòng, chống

mua bán người (sửa đổi). Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025. Với nguyên tắc lấy nạn nhân, người đang trong quá trình xác định nạn nhân làm trung tâm, Luật đã dành 01 chương (Chương V) quy định về hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Trong đó có quy định về trợ giúp pháp lý cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng đối với nội dung có liên quan đến vụ việc, vụ án mua bán người. Cụ thể như sau:

Điều 37 Luật Phòng chống mua bán người năm 2024 quy định về đối tượng và chế độ hỗ trợ, trong đó có trợ giúp pháp lý (tại điểm đ khoản 1), áp dụng cho các đối tượng: (i) Người dưới 18 tuổi đi cùng nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam; (ii) Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam và người dưới 18 tuổi đi cùng ở trong nước; (iii) Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam thì tùy từng trường hợp được hưởng.

Điều 41 Luật Phòng chống mua bán người năm 2024 quy định về hỗ trợ pháp luật, trợ

giúp pháp lý quy định: Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng được trợ giúp pháp lý bằng các hình thức theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý đối với nội dung có liên quan đến vụ việc, vụ án mua bán người.

Điều 46 Luật Phòng chống mua bán người năm 2024 quy định về các cơ quan, tổ chức thực hiện việc hỗ trợ, trong đó có Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý (khoản 6).

Điều 47 Luật Phòng chống mua bán người năm 2024 quy định về cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân quy định về nhiệm vụ của các cơ sở này, trong đó có nhiệm vụ phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý để thực hiện trợ giúp pháp lý (điểm g khoản 1).

Điều 55 Luật Phòng chống mua bán người năm 2024 quy định về trách nhiệm của Bộ Tư pháp, trong đó có việc quản lý, hướng dẫn Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý (khoản 3).

Điều 61 Luật Phòng chống mua bán người năm 2024 bổ

sung bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017: “6a. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người”; đồng thời, bãi bỏ điểm g khoản 7 Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2027.

Để quy định cụ thể hơn về trợ giúp pháp lý cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng đối với nội dung có liên quan đến vụ việc, vụ án mua bán người, ngày 29/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 162/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người. Theo Điều 20 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP quy định về hỗ trợ pháp luật, nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam và người dưới 18 tuổi đi cùng; người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam và người dưới 18 tuổi đi cùng được cung cấp thông tin về quyền và nghĩa vụ của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; được hướng dẫn các biện pháp phòng, chống mua bán người, hình thức di

cư an toàn, việc làm an toàn để phòng ngừa bị mua bán trở lại; trình tự, thủ tục đề nghị trợ giúp pháp lý; các quy định về chế độ hỗ trợ, các dịch vụ tái hòa nhập; tư vấn làm thủ tục đăng ký cư trú, hộ tịch, làm thẻ căn cước, nhận chế độ hỗ trợ đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

Điều 21 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP quy định về trợ giúp pháp lý cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng đối với nội dung có liên quan đến vụ việc, vụ án mua bán người như sau:

### **Về đối tượng hỗ trợ:**

- Nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam và người dưới 18 tuổi đi cùng;

- Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam và người dưới 18 tuổi đi cùng ở trong nước;

- Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam.

### **Về chế độ hỗ trợ:**

- Được trợ giúp pháp lý đối với nội dung có liên quan đến vụ việc, vụ án mua bán người thông qua các hình thức tư vấn pháp luật; tham gia tổ

tụng; đại diện ngoài tổ tụng và các hình thức trợ giúp pháp lý khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được hỗ trợ theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

- Việc trợ giúp pháp lý cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam được thực hiện dựa trên nhu cầu, tình trạng thực tế của đối tượng và thời gian lưu trú tại Việt Nam.

### **Về cơ quan thực hiện việc hỗ trợ**

Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý có trách nhiệm thực hiện trợ giúp pháp lý. Trình tự, thủ tục trợ giúp pháp lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

Có thể thấy, với những quy định mới tại Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 và Nghị định số 162/2025/NĐ-CP, đối tượng trợ giúp pháp lý đã được mở rộng, kịp thời đáp ứng nhu cầu thực tiễn của nhóm người yếu thế, dễ bị tổn thương. Đây không chỉ là giải pháp hỗ trợ pháp lý mà còn là cơ chế bảo vệ quyền con người, củng cố niềm tin của người dân vào chính sách an sinh xã hội, góp phần xây dựng một xã hội công bằng, nhân văn, an toàn trước nguy cơ mua bán người. □

# Kết quả triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và một số kiến nghị, đề xuất

■ LÊ MINH

Quyền tiếp cận thông tin là một trong những quyền hiến định quan trọng, gắn liền với việc bảo đảm dân chủ, công bằng và minh bạch trong đời sống xã hội. Hiến pháp năm 2013 và Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 đã khẳng định rõ quyền này, đồng thời đặt ra trách nhiệm cho các cơ quan nhà nước trong việc công khai, cung cấp thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp. Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, việc triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin những năm qua đã được các cấp, ngành quan tâm thực hiện, từng bước đi vào nền nếp, góp phần xây dựng nền hành chính phục vụ, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền.

Thực hiện Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin, UBND 02 tỉnh Quảng Bình

(cũ) và Quảng Trị (cũ) khi chưa sáp nhập đã kịp thời ban hành kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh; hàng năm kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thi hành Luật. Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình, Sở Tư pháp đã rà soát 149 văn bản (08 Nghị quyết; 93 Quyết định và 48 Chỉ thị) có nội dung liên quan đến Luật Tiếp cận thông tin. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã tổ chức triển khai có hiệu quả Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Để Luật đi vào cuộc sống, Sở Tư pháp - Cơ quan Thường trực của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh đã đẩy mạnh tăng cường phổ biến, quán triệt Luật Tiếp cận thông tin cho cán bộ và Nhân dân. Bên cạnh việc tham mưu cho UBND tỉnh, Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo,

hướng dẫn đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật, Sở Tư pháp đã tập trung lựa chọn, đổi mới, đa dạng hóa hình thức, cách thức tuyên truyền, phổ biến Luật phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số, mạng xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng để truyền tải hiệu quả nội dung của Luật đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh; trong đó đã chú trọng lựa chọn những nội dung sát thực nhất với người dân như quyền, nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin, các hành vi bị nghiêm cấm, cách thức tiếp cận thông tin, các thông tin phải được công khai... Nhờ vậy, công tác tuyên truyền PBGDPL về Luật được các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc. Luật được tuyên truyền hoặc lồng ghép tuyên truyền thông qua hơn 800 hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo các Chương trình, Đề án

về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở; trong các sự kiện văn hóa - chính trị của cơ quan, địa phương; tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở, qua chuyên mục trên Báo và Đài phát thanh truyền hình tỉnh; qua các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến và qua Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương và các kênh mạng xã hội. Thông qua các hoạt động này, Luật Tiếp cận thông tin được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến cán bộ và Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Luật, các nội dung của Luật Tiếp cận thông tin được tỉnh Quảng Trị triển khai thực hiện nghiêm túc:

Một là, về phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin, các cơ quan, đơn vị, địa phương từ tỉnh đến cơ sở đã xác định rõ trách nhiệm cung cấp thông tin theo Điều 9 Luật Tiếp cận thông tin; thực hiện công khai thông tin thuộc thẩm quyền, đồng thời tuân thủ quy định không cung cấp thông tin thuộc diện bí mật hoặc chỉ cung cấp có điều kiện. Qua đó đã kịp thời giải đáp nhu cầu của tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Hai là, về chủ thể tiếp cận thông tin, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh thường xuyên đổi mới, đa dạng hình thức cung cấp thông tin để các chủ thể quy

định tại Điều 4 Luật Tiếp cận thông tin thực hiện quyền tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng, đầy đủ. Việc công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu được thực hiện đúng quy định, mọi cá nhân, tổ chức đều bình đẳng trong tiếp cận thông tin, không bị phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào. Toàn tỉnh không có trường hợp nào yêu cầu cung cấp thông tin của người nước ngoài cư trú tại Việt Nam và cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp.

Ba là, về công khai thông tin, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã công khai đầy đủ các nhóm thông tin theo Điều 17 Luật, gồm văn bản QPPL, thủ tục hành chính, chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngân sách, dự án đầu tư, đất đai, đấu thầu, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật an sinh xã hội, y tế, môi trường... Hình thức công khai đa dạng: như thông qua cổng/trang thông tin điện tử, Công báo, báo chí, hệ thống phát thanh, niêm yết tại trụ sở, hội nghị, mạng xã hội. Việc công khai đã thu hút đông đảo người dân tiếp cận, nhất là qua môi trường điện tử.

Bốn là, về cung cấp thông tin theo yêu cầu, toàn tỉnh tiếp nhận và giải quyết 1.908 đơn yêu cầu cung cấp thông tin, trong đó lĩnh vực đất đai chiếm nhiều nhất với 1.154 đơn, tiếp theo là quy hoạch,

tư pháp, chính sách xã hội... Toàn bộ yêu cầu đều được giải quyết theo đúng quy định, không có trường hợp bị từ chối hay khiếu nại, tố cáo. Các cơ quan đã áp dụng phần mềm quản lý văn bản, một cửa điện tử, công báo điện tử, mạng xã hội tạo điều kiện thuận lợi trong quản lý, cung cấp thông tin. Chi phí để in, sao, chụp và gửi thông tin được các cơ quan, địa phương thực hiện nghiêm túc theo quy định của Bộ Tài chính. Mức thu chi phí để in, sao, chụp và gửi thông tin được niêm yết công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương và tại trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước.

Năm là, về biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, tỉnh đã bố trí cán bộ đầu mối tại các cơ quan, công khai thông tin liên hệ; thiết lập sổ theo dõi yêu cầu. 100% các sở, ban, ngành và UBND cấp xã có trang thông tin điện tử liên thông với Cổng thông tin điện tử tỉnh. Quảng Trị cũng đã thí điểm ứng dụng AI đọc tin (audio), đổi mới nội dung, tăng cường chia sẻ thông tin trên mạng xã hội. Cơ sở vật chất phục vụ công tác này được quan tâm đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và các phòng tiếp công dân. Người khuyết tật, đồng bào miền núi, biên giới, hải đảo được hỗ trợ bằng nhiều hình thức phù hợp, kể cả trợ giúp pháp lý và truyền thông lưu động. Trong đó, Sở Tư

pháp thường xuyên thực hiện trợ giúp pháp lý, truyền thông lưu động đến vùng sâu, vùng xa, địa bàn miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để thực hiện tuyên truyền, trợ giúp cho người dân nắm bắt được các quy định của pháp luật và giải đáp, cung cấp các thông tin cần thiết trong việc áp dụng pháp luật của công dân.

Sáu là, về trách nhiệm của cơ quan cung cấp thông tin: UBND tỉnh đã ban hành Quy chế cung cấp thông tin, chỉ đạo lập và công khai Danh mục thông tin phải công khai và thông tin được tiếp cận có điều kiện. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã cập nhật và công khai Danh mục thủ tục phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và đã thực hiện quy chế nội bộ, bảo đảm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ và giữ bí mật theo quy định.

Bảy là, về việc thực hiện các quy định khác, HĐND tỉnh thực hiện giám sát định kỳ tình hình bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân. Đáng chú ý, từ khi Luật có hiệu lực đến nay, trên địa bàn tỉnh không phát sinh khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền tiếp cận thông tin.

Qua thực tiễn triển khai, có thể khẳng định việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin

trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Luật đã góp phần cụ thể hóa quyền hiến định của công dân, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, tăng cường niềm tin của Nhân dân và doanh nghiệp. Việc công khai, cung cấp thông tin được thực hiện ngày càng kịp thời, đa dạng hình thức, gắn với chuyển đổi số, nhất là ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo trong vận hành cổng/trang thông tin điện tử. Nhiều mô hình hỗ trợ tiếp cận thông tin cho người dân vùng khó khăn, đồng bào dân tộc, người khuyết tật đã phát huy hiệu quả.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được vẫn còn một số khó khăn, hạn chế: Quy định về phạm vi, trách nhiệm cung cấp thông tin và số lượng thông tin phải công khai còn rộng, trong khi nhân lực thực hiện mỏng, kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ. Thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin còn phức tạp, thời gian giải quyết dài, chi phí chưa thuận lợi. Việc xác định các loại thông tin hạn chế tiếp cận hoặc “trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng” chưa có tiêu chí cụ thể, dẫn đến cách hiểu và áp dụng thiếu thống nhất. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ còn thiếu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa; cán bộ đầu mối còn kiêm nhiệm,

tập huấn chưa thường xuyên; nhận thức và việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của một số người dân chưa cao, ảnh hưởng đến hiệu quả thi hành luật.

Có thể khẳng định rằng, việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thời gian qua đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, gần dân, vì dân. Tuy vậy, để Luật thực sự đi vào chiều sâu thì thiết nghĩ trong thời gian tới Bộ Tư pháp cần nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện thể chế, đơn giản hóa thủ tục, quy định rõ phạm vi, thẩm quyền và trách nhiệm cung cấp thông tin. Chính phủ và các Bộ, ngành cần xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, bố trí kinh phí cho tuyên truyền, nâng cấp hạ tầng, đồng thời tăng cường tập huấn nghiệp vụ cho địa phương, bảo đảm việc cung cấp thông tin được thực hiện đồng bộ, thuận lợi, minh bạch và thống nhất.

Với sự nỗ lực chung của các cấp, ngành và sự đồng hành của người dân, tin tưởng rằng trong thời gian tới, quyền tiếp cận thông tin của công dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị sẽ được thực hiện ngày càng hiệu quả, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. □

## Việt Nam ơi vĩ đại vô cùng

**T** háng chín này một giấc mơ hay thực  
Như phép màu rất thực ngỡ là mơ  
Sức mạnh! Ôi sức mạnh vô bờ  
Vĩ đại của tám chục mùa thu góp lại

Chiếc gậy tầm vông, cây mác lao ngày ấy  
Mà hôm nay có tên lửa tàu ngầm  
Tiếng máy bay hiện đại rú gầm  
Ai biết được rằng từ đâu mà có

Là máu xương hàng triệu người đã đổ  
Cho đất này hoa nở ngát hương say  
Là niềm tin tất thắng vĩ đại đây  
Là đoàn kết muôn triệu người như một

Đảng vĩ đại cùng Cha già dân tộc  
Đuốc soi đường chỉ lối tới tương lai  
Đất nước từng bừng kỷ nguyên mới hôm nay  
Sao lẹ cứ rưng rưng những phút giây hoài niệm

**TRỊNH TRỌNG TỶ**

## Chúng mình tiến lên

**N** hớ Ngày Pháp luật Việt Nam,  
Lòng ta luôn nhớ dạt dào niềm tin,  
Thượng tôn pháp luật nhắc mình,  
Mọi việc luôn nhớ chúng mình chăm lo,  
Lo cho cuộc sống ấm no,  
Độc lập, Hạnh phúc, Tự do mỗi ngày.  
Nhớ lời Bác dạy bấy nay  
Việt Nam sánh với bạn bè 5 châu.

80 năm ấy nặng sâu,  
Vào kỷ nguyên mới thêm giàu niềm tin,  
Yêu thương Tổ quốc thiêng liêng,  
Đồng tâm, đồng sức chúng mình tiến lên.

**LÊ HUẤN**





## Ai về Quảng Trị hôm nay

**N**ăm năm... trọn một nhiệm kỳ...  
Đại hội Đảng bộ ta ghi vào lòng  
Khắp nơi rợp bóng cờ hồng  
Đảng kỳ liềm búa công nông chói ngời

Hân hoan náo nức lòng người  
Nhà nhà phấn khởi, người người hát ca  
Đại hội Đảng, Quảng Trị ta  
Sẽ gieo muôn vạn "bông hoa đời thường"

Nghị quyết Đảng tựa ánh dương  
Soi đường, dẫn lối, sáng đường ta đi  
Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ  
Sẽ đưa ta đến thành trì vinh quang

Văn minh, hiện đại, huy hoàng  
Xứng danh Quảng Trị, sáng trang anh hùng  
"Kỷ nguyên mới" sáng khắp vùng  
Sẽ đưa Quảng Trị sáng bừng tương lai

Ai về Quảng Trị hôm nay  
Toàn dân, toàn Đảng chung tay kết đoàn  
Xây quê hương đẹp kang trang  
Đồng Hà – Đồng Hới – bản làng văn minh...

"Kỷ nguyên mới" đã định hình  
Chào mừng Quảng Trị chuyển mình vươn lên...

**NGUYỄN ĐÌNH PHONG**

# Tỉnh Quảng Trị ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ sau thực hiện chính quyền hai cấp

## ■ NHƯ QUỲNH

**N**gày 14/8/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND về việc quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp về công tác tại trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước; tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh; các tổ chức hội cấp tỉnh được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (cũ) chuyển đến làm việc tại trụ sở trung tâm hành chính của tỉnh Quảng Trị mà chưa được bố trí nhà ở công vụ hoặc được bố trí nhà công vụ nhưng có nguyện vọng thuê ngoài thì được hỗ trợ chi phí sinh hoạt ổn định đời

sống: 3.000.000 đồng/người/tháng. Trong trường hợp các đối tượng này đã được bố trí nhà ở công vụ thì được hỗ trợ chi phí sinh hoạt ổn định đời sống: 1.000.000 đồng/người/tháng (trừ đối tượng đã được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nhà đến cơ quan và ngược lại theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023).

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước; tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh; các tổ chức hội cấp tỉnh được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (cũ) và tỉnh Quảng Trị (cũ) bao gồm cả cán bộ

được điều động, luân chuyển về công tác tại trung tâm hành chính cấp huyện (trước sắp xếp) chuyển đến làm việc tại trụ sở của đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị có khoảng cách từ trụ sở làm việc cũ ban đầu đến trụ sở làm việc mới ở đơn vị hành chính cấp xã từ 50km trở lên đối với vùng đồng bằng; 40km trở lên đối với vùng miền núi, biên giới thì được hỗ trợ chi phí sinh hoạt ổn định đời sống: 3.000.000 đồng/người/tháng; trường hợp đã được bố trí nhà công vụ thì được hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người/tháng.

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước; tổ chức chính trị-xã hội cấp huyện, cấp xã (trước sắp xếp); các tổ chức hội cấp huyện, cấp xã (trước sắp xếp) được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (cũ) và tỉnh Quảng Trị (cũ) chuyển đến làm việc tại trụ sở của đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã mới thuộc tỉnh Quảng Trị có khoảng cách từ trụ sở làm việc cũ đến trụ sở làm việc mới từ 50km trở lên đối với vùng đồng bằng; 40km trở lên đối với vùng miền núi, biên giới thì được hỗ trợ chi phí sinh hoạt ổn định đời sống: 1.000.000 đồng/người/tháng.

Thời gian áp dụng chính sách là 02 năm, từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2027. □



*Có 1.194 cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Trị có nhu cầu được hỗ trợ về chỗ ở*

**Câu 1: Ông Nguyễn Duy Đạt (Trường Sơn, Quảng Trị) hỏi: Quy định của pháp luật hiện hành về miễn, giảm tiền sử dụng đất?**

**Trả lời:** Tại Điều 4 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 (*Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 19/8/2025*) quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất như sau:

1. Miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao trong hạn mức giao đất ở trong các trường hợp sau:

a) Giao đất ở tái định cư hoặc giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân trong các cụm, tuyến dân cư vùng ngập lũ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung đối tượng và cơ chế vay vốn xây dựng nhà ở thuộc chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng thường xuyên bị ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long.

b) Giao đất ở cho các hộ dân làng chài, dân sống trên sông nước, đắm phá di chuyển đến định cư tại các khu, điểm tái định cư theo quy hoạch, kế hoạch và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Giảm 30% tiền sử dụng đất hằng năm đối với các trường hợp sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế quy định tại khoản 2 Điều 201 Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; cụ thể như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm phân công cơ quan chức năng tính số tiền sử dụng đất được giảm và ghi vào trong thông báo nghĩa vụ tài chính của Bộ Quốc phòng gửi đơn vị, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Quốc phòng được giao quản lý; phân công cơ quan chức năng hướng dẫn việc thu, nộp tiền sử dụng đất hằng năm theo quy định tại Nghị định 102/2024/NĐ-CP và Nghị định này với đơn vị, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Quốc phòng được giao quản lý.

b) Trường hợp qua kiểm tra, cơ quan chức năng phát hiện đối tượng sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không sử dụng đất đúng với phương án sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì phải thực hiện việc nộp lại số tiền sử dụng đất hằng năm đã được giảm theo quy định.

3. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất trong trường hợp cần thiết để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn điều hành kinh tế - xã hội hằng năm được thực hiện như sau: Căn cứ vào nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định việc miễn, giảm tiền sử dụng đất của 01 năm theo quy định tại khoản này.

**Câu 2: Bà Lê Thị Hồng (Kim Phú, Quảng Trị) hỏi: Quy định của pháp luật hiện hành về mức hưởng đối với trường hợp người tham gia bảo hiểm y tế đi khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu?**

**Trả lời:** Tại Điều 20 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (*Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 15/8/2025*) quy định mức hưởng đối với trường hợp người tham gia bảo hiểm y tế đi khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu như sau:

1. Người có thẻ bảo hiểm y tế đi khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi được hưởng và mức hưởng của pháp luật về bảo hiểm y tế. Phần chênh lệch giữa chi phí dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu với chi phí được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán do người bệnh thanh toán cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

(Xem tiếp trang 50)

## TIN HOẠT ĐỘNG

### **Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật Trung ương triển khai nhiệm vụ quý IV năm 2025**

Ngày 03/10/2025, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương tổ chức Phiên họp toàn quốc đánh giá kết quả công tác 9 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ trọng tâm công tác cuối năm 2025 theo hình thức trực tiếp và trực tuyến. Tại điểm cầu Trung ương, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) Trung ương chủ trì Hội nghị. Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương cùng đại diện các Bộ, ngành liên quan cùng dự.

Tại điểm cầu tỉnh Quảng Trị, đồng chí Hoàng Xuân Tân, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh chủ trì. Tham dự có các thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh là đại diện Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, đại diện lãnh đạo Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; đại diện lãnh đạo các sở ngành: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở nội vụ, Thanh tra tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Ngoại vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Báo và phát thanh, truyền hình Quảng Trị, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 8, Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh, Hội Doanh nghiệp tỉnh và Lãnh đạo Sở Tư pháp.

Tại Phiên họp, đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành và địa phương đã tập trung thảo luận về tình hình triển khai rà soát, đánh giá việc đưa nội dung về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vào chương trình giáo dục

trong các cấp học; tình hình triển khai tập huấn, bồi dưỡng truyền thông các quy định về phân cấp, phân quyền phục vụ chính quyền địa phương 2 cấp...; đồng thời nêu ra nhiều ý kiến liên quan đến việc chi trả mức thù lao cho các thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL; mở các chuyên mục phổ biến pháp luật trên các nền tảng số, mạng xã hội để người dân thuận tiện trong việc tìm hiểu, tiếp cận các chính sách pháp luật.

Phát biểu kết luận Phiên họp, Phó Thủ tướng Lê Thành Long đánh giá cao công tác chuẩn bị của Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan đã được thực hiện nghiêm túc, bài bản. Về nhiệm vụ thời gian tới, Phó Thủ tướng đề nghị Bộ Tư pháp với vai trò là Cơ quan Thường trực của Hội đồng tiếp tục chủ động, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng phương án giới thiệu chuyên gia pháp luật cho các Đài truyền hình, xác định cơ chế tài chính cho việc xây dựng, triển khai chuyên mục tiêu điểm chính sách. Nội dung phải chất lượng, thuyết phục, phát sóng vào “Khung giờ vàng” nhằm lan tỏa rộng rãi thông tin pháp luật. Bộ Tư pháp cũng cần tiếp tục triển khai Đề án xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong đội ngũ cán bộ, công chức; cùng với các cơ quan tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành tổ chức thành công Lễ hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2025; bảo đảm vận hành hiệu quả Cổng pháp luật quốc gia. Phó Thủ tướng giao Bộ Nội vụ tập trung xây dựng chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức để triển khai từ năm 2026; Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu đưa nội dung Hiến pháp và Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống giáo dục. Thông tấn xã Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan để mở rộng kênh phổ biến, giới thiệu pháp luật hiện hành đến đông đảo người dân. Phó Thủ tướng yêu cầu các thành viên Hội đồng

## TIN HOẠT ĐỘNG

Trung ương và các Bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao, đặc biệt trong triển khai Đề án chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025–2030 và các Chương trình hành động, Kế hoạch đã ban hành.

### **Hội thảo “nhận diện “điểm nghẽn” và đề xuất giải pháp khắc phục liên quan đến Luật Đất đai**

Ngày 22/9/2025, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương đã tổ chức Hội thảo Nhận diện “điểm nghẽn” và đề xuất giải pháp khắc phục liên quan đến Luật Đất đai.

Đồng chí Nguyễn Thanh Ngọc, Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Phó Chủ tịch Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương chủ trì Hội thảo. Hội thảo có sự tham dự của đồng chí Đoàn Thị Thanh Mỹ, Phó Cục trưởng Cục Quản lý đất đai, Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đại diện các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp; đại diện các địa phương; các chuyên gia, nhà khoa học uy tín, các nhà kinh tế; đại diện các hiệp hội nghề nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật sư... Hội thảo được tổ chức theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến với 34 điểm cầu tại các địa phương trên cả nước và phát trực tuyến trên nền tảng Cổng Pháp luật quốc gia.

Tại điểm cầu tỉnh Quảng Trị do đồng chí Trần Chí Tiến, TUV, Giám đốc Sở Tư pháp, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh chủ trì. Tham dự có các thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh; đại diện Lãnh đạo Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng và đại diện phòng chuyên môn có liên quan; đại diện Lãnh đạo UBND các phường: Đồng Hới, Đồng Sơn, Đồng Thuận; đại diện Lãnh đạo Hội Doanh nghiệp tỉnh; đại diện Lãnh đạo Đoàn Luật sư tỉnh, Hội Luật gia tỉnh.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Ngọc cho biết,

trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, định hướng quan trọng trong việc hoàn thiện thể chế pháp luật nói chung, trong đó có Luật Đất đai năm 2024. Tuy nhiên, qua rà soát, tổng hợp ý kiến từ các địa phương và thực tiễn quản lý nhà nước cho thấy, mặc dù Luật đã được sửa đổi, từng bước hoàn thiện nhưng vẫn còn nhiều vướng mắc, điểm nghẽn và bất cập; không ít quy định chưa thực sự khơi thông được nguồn lực, nhất là cho phát triển kinh tế - xã hội.

Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã phối hợp cùng các bộ, ngành, trong đó có Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường tiến hành rà soát, tổng hợp nhiều ý kiến, kiến nghị từ các hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức bất động sản cũng như từ các địa phương trên cả nước. Nhằm tiếp tục nhận diện một cách sâu sắc những vướng mắc, bất cập và “điểm nghẽn” trong thực tiễn thi hành Luật Đất đai, Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương, thường trực là Bộ Tư pháp tổ chức Hội thảo. Tham dự Hội thảo các đại biểu đã tập trung làm rõ các điểm nghẽn và đề xuất nhiều giải pháp tháo gỡ đối với 5 nội dung chính: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; tài chính đất đai, giá đất; về hoàn thiện hệ thống thông tin quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai. Phát biểu kết luận Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Ngọc cho rằng, qua các ý kiến tại Hội thảo, các vấn đề cốt lõi đã được nêu rõ, nhiều ý kiến phát biểu thẳng thắn, tâm huyết, thể hiện mong muốn đóng góp thiết thực cho quá trình xây dựng pháp luật. Những ý kiến góp ý tại Hội thảo là nguồn thông tin quý báu để Bộ Tư pháp, với vai trò cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương tiếp tục tiếp thu, tổng hợp, phân loại

theo từng nhóm vấn đề, báo cáo Chính phủ và phối hợp cùng các bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về đất đai.

**UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Kế hoạch về thực hiện các giải pháp phòng, chống lạm dụng, trục lợi các Quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn**

Ngày 17/9/2025, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Kế hoạch số 969/KH-UBND về thực hiện các giải pháp phòng, chống lạm dụng, trục lợi các Quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Theo đó, UBND tỉnh đã giao trách nhiệm cụ thể cho các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh để tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch. Trong đó, đối với các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu: Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; đăng ký và đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Cung cấp chính xác thông tin về người lao động, mức lương, hợp đồng lao động cho cơ quan BHXH; phối hợp chặt chẽ với cơ quan BHXH trong việc giải quyết và chi trả các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho người lao động. Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động khi tham gia. Tuyệt đối không tiếp tay cho hành vi gian lận, trục lợi quỹ BHXH, BHYT, BHTN; thực hiện lưu trữ, quản lý hồ sơ tham gia, hồ sơ giải quyết chế độ BHXH, BHYT, BHTN của người lao động đầy đủ, đúng quy định.

**Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 – 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Thực hiện Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030”, ngày 25/9/2025, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Kế hoạch số 1121/KH-UBND về triển khai thực hiện Đề án “Chuyển đổi số trong công tác PBGDPL giai đoạn 2025-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch: Đổi mới toàn diện, căn bản công tác quản lý, phương thức tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân, doanh nghiệp thông qua ưu tiên ứng dụng công nghệ số kết hợp phương thức truyền thống phù hợp. Bảo đảm cung cấp thông tin pháp luật nhanh chóng, chính xác, thuận tiện, tiếp cận mọi đối tượng, tăng cường tương tác; nâng cao hiệu lực, hiệu quả, tối ưu chi phí, thực chất, đáp ứng tối đa nhu cầu tìm hiểu, học tập pháp luật của người dân, doanh nghiệp.

Mục tiêu cụ thể của Kế hoạch được triển khai thực hiện theo hai giai đoạn:

- Giai đoạn 01 (từ năm 2025 đến năm 2027): Hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, khả thi, trong đó tập trung nghiên cứu, góp ý Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (sửa đổi). Nâng cấp, hoàn thiện Trang Thông tin điện tử Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh với chức năng chính là cung cấp thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân, doanh nghiệp; xây dựng kho dữ liệu số phổ biến, giáo dục pháp luật dùng chung; thực hiện liên thông, kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với các Cổng Thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật của quốc gia, các ngành, địa phương; xây dựng, triển khai các ứng dụng số phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho doanh

## TIN HOẠT ĐỘNG

ngiệp. Phần đầu ít nhất 80% người dân sinh sống tại khu vực thành thị và ít nhất 60% người dân sinh sống tại khu vực nông thôn được tiếp cận, tìm hiểu thông tin pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật thông qua các cơ sở dữ liệu, ứng dụng số, công nghệ số; ít nhất 90% cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân tham mưu thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn kiến thức và kỹ năng chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó ít nhất 75% hoạt động tập huấn được thực hiện bằng hình thức trực tuyến.

- Giai đoạn 02 (từ năm 2028 đến năm 2030): Tiếp tục vận hành, quản trị Trang Thông tin điện tử PBGDPL của tỉnh; Kho dữ liệu số PBGDPL dùng chung được xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật thường xuyên, bảo đảm truy cập thuận tiện, bảo mật và khai thác hiệu quả cho người dân, doanh nghiệp. Phần đầu ít nhất 90% người dân sinh sống tại khu vực thành thị và ít nhất 70% người dân sinh sống tại khu vực nông thôn được tiếp cận, tìm hiểu pháp luật thông qua các cơ sở dữ liệu, ứng dụng số, công nghệ số; 100% cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân tham mưu thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn kiến thức và kỹ năng chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó ít nhất 90% hoạt động tập huấn được thực hiện bằng hình thức trực tuyến. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sử dụng, khai thác các tiện ích, nền tảng, ứng dụng số phổ biến, giáo dục pháp luật tham gia đánh giá đạt 90%.

Kế hoạch đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh; cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên; UBND cấp xã triển khai thực hiện.

**PHÒNG PBGDPL&TĐTHPL**

**Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị tổ chức chương trình “Đêm hội trăng rằm - Cùng vui tết trung thu năm 2025”**

Tối ngày 03/10/2025, được sự cho phép của Đảng ủy, Lãnh đạo Sở, Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị tổ chức chương trình “Đêm hội trăng rằm - Cùng vui tết trung thu năm 2025” dành cho các cháu thiếu nhi là con của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Sở. Đến dự và chung vui với các cháu có đồng chí Trần Hữu Dân – Phó Giám đốc Sở, đồng chí Đào Thị Bình – Phó Giám đốc Sở, cùng đại diện lãnh đạo các phòng, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, đồng đạo các em thiếu nhi, Quý phụ huynh và các bạn đoàn viên thanh niên.

Phát biểu tại chương trình, đồng chí Trần Hữu Dân - Phó Giám đốc Sở biểu dương những thành tích trong học tập của các em thiếu nhi, động viên các em tiếp tục cố gắng học giỏi, là con ngoan của ba mẹ, trò giỏi của thầy cô và gửi lời chúc các em có một mùa Trung thu thật sự ý nghĩa.

Trong không khí rộn ràng của ngày Tết Trung thu, các cháu được tham gia nhiều hoạt động vui tươi, hấp dẫn như: liên hoan bánh kẹo, vui chơi, ca hát, tham gia các trò chơi cùng Chị Hằng - Chú Cuội; được các bác, các cô Lãnh đạo cơ quan tặng những phần quà trung thu ý nghĩa và xem tiết mục biểu diễn múa lân hấp dẫn. Chương trình diễn ra trong không khí vui tươi, đầm ấm, tràn đầy tiếng cười của các cháu thiếu nhi. Đây không chỉ là dịp để các em được đón một mùa Trung thu ý nghĩa, mà còn thể hiện sự quan tâm, chăm lo của Lãnh đạo cơ quan đối với đời sống tinh thần của con em công chức, viên chức, người lao động. Qua đó, góp phần tạo động lực, khích lệ các em chăm ngoan, học giỏi, đồng thời thắt chặt tình đoàn kết, gắn bó trong đại gia đình Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị.

**CHI ĐOÀN SỞ TƯ PHÁP**

## GỚI THIỆU VĂN BẢN

### **1. Ngày 14/6/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15**

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định về người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác, bao gồm:

- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn, chuyển nhượng chứng khoán;

- Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, trừ thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản;

- Thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản;

- Thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản, trong đó có các loại giấy tờ có giá, trừ bất động sản;

- Thu nhập từ quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản, bao gồm cả thu nhập từ quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ;

- Thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn, bán ngoại tệ, trừ thu nhập từ hoạt động tín dụng của tổ chức tín dụng;

- Khoản trích trước vào chi phí nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không hết mà doanh nghiệp không hạch toán điều chỉnh giảm chi phí được trừ; khoản nợ khó đòi đã xóa nay đòi được; khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót nay phát hiện ra;

- Chênh lệch giữa thu về tiền phạt, tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế

hoặc thưởng do thực hiện tốt cam kết theo hợp đồng;

- Các khoản tài trợ, tặng cho bằng tiền hoặc hiện vật nhận được;

- Chênh lệch do đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật để góp vốn, điều chuyển khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

- Thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở nước ngoài;

- Thu nhập của đơn vị sự nghiệp công lập đối với các hoạt động cho thuê tài sản công;

- Các khoản thu nhập khác, trừ các khoản thu nhập được miễn thuế quy định tại Điều 4 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025.

### **2. Ngày 27/6/2025, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 96/2025/QH15**

Theo đó, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng đã bổ sung Điều 198b về kê biên tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu được quy định như sau: Tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ bị kê biên, xử lý theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Hợp đồng bảo đảm đã được ký kết và phát sinh hiệu lực sau thời điểm bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật;

- Thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe;

- Có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức

## GIỚI THIỆU VĂN BẢN

tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2025.

### **3. Ngày 27/6/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15**

Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ quan, tổ chức, cá nhân; chính sách, biện pháp bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Trong đó, tại khoản 4 Điều 3 quy định hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: Nghiên cứu cơ bản; nghiên cứu ứng dụng; phát triển công nghệ; phát triển giải pháp xã hội; sản xuất thử nghiệm; ứng dụng, chuyển giao công nghệ; đổi mới sáng tạo dựa trên đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ; khởi nghiệp sáng tạo; cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng tạo tri thức và hoạt động liên quan khác.

Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025.

### **4. Ngày 15/7/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 207/2025/NĐ-CP quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo**

Nghị định số 207/2025/NĐ-CP quy định về việc hiến, nhận, sử dụng, lưu giữ, gửi tinh trùng, noãn, phôi; sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; điều kiện, hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo; điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Tại Điều 3 của Nghị định số 207/2025/NĐ-CP quy định về nguyên tắc áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo như sau:

- Việc thực hiện hiến tinh trùng, hiến noãn, hiến phôi trong kỹ thuật hỗ trợ sinh sản phải tuân theo nguyên tắc chỉ được hiến tại một cơ sở được phép lưu giữ tinh trùng, lưu giữ noãn, lưu giữ phôi.

- Tinh trùng, noãn, phôi hiến chỉ được sử dụng cho một phụ nữ hoặc một cặp vợ chồng để sinh con.

- Việc hiến và nhận tinh trùng, hiến và nhận phôi được thực hiện trên nguyên tắc vô danh giữa người hiến và người nhận.

- Chỉ thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đối với các cặp vợ chồng vô sinh hoặc có chỉ định về y tế và phụ nữ độc thân có nguyện vọng.

- Vợ chồng nhờ mang thai hộ, người mang thai hộ, trẻ sinh ra nhờ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo được đảm bảo an toàn về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và được pháp luật tôn trọng, bảo vệ.

Nghị định số 207/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2025.

### **5. Ngày 26/8/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 232/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng**

Theo đó, tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 232/2025/NĐ-CP đã bổ sung quy định việc thanh toán mua, bán vàng có giá trị từ 20 triệu đồng trong ngày trở lên của một khách hàng phải được thực hiện thông qua tài khoản thanh toán của khách hàng và tài khoản thanh toán của doanh nghiệp kinh doanh vàng mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Nghị định số 232/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 10/10/2025.

### **6. Ngày 28/8/2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 86/2025/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh**

Theo đó, tại Điều 3 Thông tư số 86/2025/

## GIỚI THIỆU VĂN BẢN

TT-BTC quy định miễn phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh đối với tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải trong các trường hợp sau:

- Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cá nhân (được miễn thuế trong định mức theo quy định); quà biếu, quà tặng vì mục đích nhân đạo, từ thiện; đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy chế miễn trừ ngoại giao; hành lý mang theo người.

- Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới trong định mức miễn thuế theo quy định.

- Phương tiện vận tải của cư dân biên giới được quản lý theo phương thức mở sổ theo dõi, không quản lý bằng tờ khai.

- Hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh được miễn phí, lệ phí theo quy định tại các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc cam kết của Chính phủ Việt Nam.

Thông tư số 86/2025/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 12/10/2025.

**7. Ngày 13/8/2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 81/2025/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại**

Theo đó, tại khoản 4 Thông tư số 81/2025/TT-BTC quy định về việc Ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản thanh toán như sau:

- Kho bạc Nhà nước mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, đảm bảo ngân hàng thương mại đó không thuộc trường hợp đã chuyển giao bắt buộc hoặc

đang bị kiểm soát đặc biệt theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; có khả năng thanh toán song phương điện tử theo yêu cầu nghiệp vụ và đặc tả kỹ thuật được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Kho bạc Nhà nước.

- Trước khi thực hiện mở tài khoản thanh toán với mỗi ngân hàng thương mại, Kho bạc Nhà nước và ngân hàng thương mại thống nhất thỏa thuận thanh toán song phương điện tử theo các nội dung chủ yếu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 81/2025/TT-BTC. Trong đó, việc thanh toán song phương điện tử với mỗi ngân hàng thương mại theo mô hình tài khoản thanh toán phân tán hoặc mô hình tài khoản thanh toán tập trung được căn cứ vào khả năng đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ và đặc tả kỹ thuật của ngân hàng thương mại đó theo từng mô hình.

Thông tư số 81/2025/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025.

**8. Ngày 19/8/2025, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ban hành Thông tư số 90/2025/TT-BQP hướng dẫn thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân**

Thông tư số 90/2025/TT-BQP hướng dẫn thực hiện quản lý thu, đóng bảo hiểm xã hội (sau đây viết tắt là BHXH) và các chế độ BHXH bắt buộc đối với quân nhân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân. Trong đó, tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 90/2025/TT-BQP quy định điều kiện hưởng trợ cấp một lần khi sinh con, nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận con nuôi dưới 06 tháng tuổi thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật BHXH và hướng dẫn như sau:

- Đối với trường hợp chỉ có người cha tham gia BHXH bắt buộc hoặc cả cha và mẹ cùng tham gia BHXH bắt buộc nhưng người mẹ không đủ điều kiện để hưởng chế độ thai sản khi sinh con thì người cha đã đóng

## GIỚI THIỆU VĂN BẢN

BHXH từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi người mẹ sinh con được trợ cấp một lần;

- Trường hợp người mẹ nhờ mang thai hộ và người mang thai hộ không tham gia BHXH bắt buộc hoặc có tham gia BHXH bắt buộc nhưng không đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản, thì chồng của người mẹ nhờ mang thai hộ đã đóng BHXH bắt buộc từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm nhận con được trợ cấp một lần;

- Trường hợp người mang thai hộ, người mẹ nhờ mang thai hộ và người chồng của người mẹ nhờ mang thai hộ không tham gia BHXH bắt buộc hoặc không đủ điều kiện thì người chồng của người mang thai hộ đã đóng BHXH bắt buộc từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm người mang thai hộ sinh con được trợ cấp một lần.

Thông tư số 90/2025/TT-BQP có hiệu lực thi hành từ ngày 02/10/2025.

**9. Ngày 03/9/2025, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ban hành Thông tư số 98/2025/TT-BQP hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng**

Tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 98/2025/TT-BQP quy định mức đóng, mức hỗ trợ đóng và trách nhiệm đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 98/2025/TT-BQP (gồm: Công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ trong quân đội; người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ; công chức quốc phòng; người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng;

trí thức trẻ tình nguyện theo quy định tại Quyết định số 1529/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nội dung Dự án “Tăng cường trí thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các Khu kinh tế - quốc phòng” đến hết năm 2030) như sau:

- Mức đóng hằng tháng bằng 4,5% tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, trong đó người sử dụng lao động đóng hai phần ba, người lao động đóng một phần ba;

- Người lao động trong thời gian bị tạm giữ, tạm giam, tạm đình chỉ công tác hoặc tạm đình chỉ chức vụ mà chưa bị xử lý kỷ luật thì mức đóng hằng tháng bằng 4,5% của 50% mức tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người lao động của tháng liền kề trước khi bị tạm giam, tạm giữ hoặc tạm đình chỉ theo quy định của pháp luật, trong đó người sử dụng lao động đóng hai phần ba và người lao động đóng một phần ba. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kết luận là không vi phạm pháp luật, người sử dụng lao động và người lao động phải truy đóng bảo hiểm y tế trên số tiền lương được truy lĩnh;

- Nguồn kinh phí đóng đối với người sử dụng lao động được thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 7 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

Thông tư số 98/2025/TT-BQP có hiệu lực thi hành từ ngày 16/10/2025.

**10. Ngày 28/6/2025, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 22/2025/TT-BYT quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh**

Theo đó, tại Điều 3 Thông tư số 22/2025/TT-BYT quy định về việc cấp mới giấy chứng sinh như sau:

- Trường hợp trẻ sinh ra tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trẻ sinh ra cấp giấy chứng sinh theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT cho

## GIỚI THIỆU VĂN BẢN

trẻ trước khi trẻ ra khỏi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc sớm hơn theo đề nghị của thân nhân của trẻ.

- Trường hợp trẻ sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc nhân viên y tế thôn, bản hoặc cô đỡ thôn, bản đỡ đẻ (sau đây gọi tắt là người đỡ đẻ):

+ Trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm trẻ sinh ra sống, thân nhân của trẻ nộp tờ khai đề nghị cấp giấy chứng sinh theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi quản lý người đỡ đẻ và xuất trình giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của người mẹ sinh ra trẻ để đối chiếu;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai đề nghị cấp giấy chứng sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm xác minh thông tin về người đỡ đẻ, người mẹ sinh ra trẻ, trẻ sơ sinh và cấp giấy chứng sinh cho trẻ. Trường hợp không xác minh được thông tin hoặc thông tin không chính xác thì không cấp giấy chứng sinh.

- Trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ:

+ Nếu trẻ sinh ra tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật mang thai hộ cho người sinh ra trẻ: cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp giấy chứng sinh theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT cho trẻ trước khi trẻ ra khỏi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc sớm hơn theo đề nghị của thân nhân của trẻ.

+ Nếu trẻ sinh ra tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không phải cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã thực hiện kỹ thuật mang thai hộ cho người sinh ra trẻ: bên nhờ mang thai hộ hoặc bên mang thai hộ nộp cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trẻ sinh ra bản xác nhận về việc thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo của cơ sở khám bệnh, chữa

bệnh thực hiện kỹ thuật mang thai hộ theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT và xuất trình giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của người mẹ sinh ra trẻ để đối chiếu.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được bản xác nhận về việc thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trẻ sinh ra cấp giấy chứng sinh theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT.

- Trường hợp trẻ sinh ra sống tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và tử vong trước khi ra viện, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện cấp giấy chứng sinh cho trẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT, sau đó thực hiện cấp giấy báo tử.

- Giấy chứng sinh được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản giao cho thân nhân của trẻ và 01 bản lưu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Trường hợp đẻ sinh đôi hoặc nhiều hơn, thì mỗi trẻ sinh sống được cấp 01 giấy chứng sinh với mã số khác nhau.

Thông tư số 22/2025/TT-BYT có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025.

**11. Ngày 15/9/2025, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 2919/QĐ-BYT ban hành quy định thông điệp dữ liệu giấy chứng sinh và quy định chuẩn, định dạng dữ liệu điện tử giấy chứng sinh**

Theo đó, Quyết định số 2919/QĐ-BYT đã ban hành quy định thông điệp dữ liệu Giấy chứng sinh và quy định chuẩn, định dạng dữ liệu điện tử Giấy chứng sinh tại Phụ lục I và Phụ lục II của Quyết định này và quy định các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và các đơn vị liên quan có trách nhiệm sử dụng quy định thông điệp dữ liệu Giấy chứng sinh và quy định chuẩn, định dạng dữ liệu điện tử Giấy chứng sinh để kết nối, chia sẻ dữ liệu với Phần mềm dịch vụ công liên thông theo quy

## GIỚI THIỆU VĂN BẢN

định tại Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

Quyết định số 2919/QĐ-BYT có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2025.

**11. Ngày 15/9/2025, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT quy định về khen thưởng và kỷ luật học sinh**

Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT quy định về khen thưởng và kỷ luật học sinh trong

nhà trường. Trong đó, tại Điều 5 quy định các hình thức khen thưởng gồm: Tuyên dương trước lớp; tuyên dương trước toàn nhà trường; giấy khen của hiệu trưởng; thư khen; hình thức tuyên dương, khen thưởng khác. Đồng thời tại Điều 13 Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT quy định các biện pháp kỷ luật đối với học sinh tiểu học gồm: Nhắc nhở; yêu cầu xin lỗi và các biện pháp kỷ luật đối với học sinh ngoài đối tượng học sinh tiểu học gồm: Nhắc nhở; phê bình; yêu cầu viết bản tự kiểm điểm.

Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành từ ngày 31/10/2025.

**PHÒNG PBGDPL&TĐTHPL**

## Giải đáp...

(Tiếp theo trang 40)

2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm bảo đảm về nhân lực, điều kiện chuyên môn, công khai những khoản chi phí mà người bệnh phải chi trả ngoài phạm vi được hưởng và mức hưởng bảo hiểm y tế, phần chi phí chênh lệch và phải thông báo trước cho người bệnh.

**Câu 3: Ông Lê Văn Bảy (Quảng Ninh, Quảng Trị) hỏi: Quy định của pháp luật hiện hành về sơ tuyển sức khỏe; khám sức khỏe cho công dân gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân?**

**Trả lời:** Tại khoản 16 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng (Luật có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025) quy định sơ tuyển sức khỏe; khám sức khỏe cho công dân gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập tổ sơ tuyển sức khỏe theo đề nghị của cơ sở y tế cùng cấp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng khám sức khỏe khu vực theo đề nghị của Sở Y tế.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định gọi sơ tuyển sức khỏe nghĩa vụ quân sự; khám sức khỏe cho công dân trong diện gọi nhập ngũ và công dân trong diện gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. Quyết định gọi sơ tuyển, khám sức khỏe phải được giao cho công dân trước thời điểm sơ tuyển, khám sức khỏe 15 ngày.

4. Hội đồng khám sức khỏe khu vực tổ chức khám sức khỏe cho công dân trong diện gọi nhập ngũ và gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; nội dung khám sức khỏe bao gồm thể lực, lâm sàng, cận lâm sàng bảo đảm chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

5. Thời gian khám sức khỏe từ ngày 01 tháng 11 đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm. Thời gian khám sức khỏe cho công dân trong diện gọi nhập ngũ và gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân lần thứ hai theo quy định tại Điều 33 của Luật này do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

6. Kết quả sơ tuyển sức khỏe, phân loại sức khỏe phải được công khai trên cổng thông tin điện tử và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 20 ngày."

**TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ  
NHÀ NƯỚC SỐ 1**

# CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: 448 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 08 tháng 7 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tư vấn pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

*Căn cứ Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1853/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1840/TTr-STP ngày 26/6/2025.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tư vấn pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt các quy trình giải quyết thủ tục hành chính/ cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh QTr;
- Lưu: VT, TTPVHCC. *ph*



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nam



Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG TRỊ**

(Kèm theo Quyết định số 448 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên thủ tục/ Số hồ sơ hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung TTHC
1.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật/1.000627	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Trị; - Cơ sở 1: Số 09 đường Quang Trung, Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Cơ sở 2: Số 2 Trần Hưng Đạo, Phường Đồng Hà, tỉnh Quảng Trị.	Không	Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.
2.	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật/1.000614	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không	Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;
3.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh/1.000588	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không	Điều chỉnh kỹ thuật

4.	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật/1.000426	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Trị: - Cơ sở 1: Số 09 đường Quang Trung, Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Cơ sở 2: Số 2 Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.	Không	Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.
5.	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật/1.000404	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Trung tâm tư vấn pháp luật		Không	Điều chỉnh kỹ thuật
6.	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật/1.000390	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không	Điều chỉnh kỹ thuật

## Phân biệt thật tinh tế

Quan tòa: Jerry Bowden, anh bị buộc tội đã lái xe trong tình trạng say rượu. Anh có gì để bào chữa không?

Bị cáo: Tôi vô tội! Tôi có năng khiếu phân biệt tinh tế. Chính nó cho tôi biết không hề say mà chỉ hơi thắm men.

Quan tòa: Tòa án tôn trọng năng khiếu phân biệt tinh tế của anh. Tòa không phạt anh một tháng tù giam mà chỉ 30 ngày tù thôi.

## Thi bằng lái

Một người vừa đi thi lấy bằng lái trở về nhà, vợ sẵn đón hỏi:

- Thi được rồi chứ anh?

Ông chồng gãi đầu:

- Chật! cũng chưa biết có được hay không?

- Sao vậy? Giám khảo nói sao?

- Ông ấy còn nói năng gì được đâu? Ông ấy ngồi sau để theo dõi các thao tác của anh. Chẳng may xe tông vào gốc cây, và bây giờ ông ấy vẫn còn hôn mê.

## Oái ăm

Giám đốc cửa hàng quát cô bán hàng:

- Sao cô lại cãi nhau với ông khách hàng đó? Cô không nhớ là "Khách hàng là thượng đế", "Khách hàng luôn đúng" sao?

Cô gái bán hàng đáp lại:

- Thưa xếp, tôi cũng biết thế. Nhưng cái ông khách này cứ khẳng khẳng là ông ấy sai!

!!!

## Được cho nghỉ sớm

Giám đốc hỏi người xin việc:

- Ở chỗ cũ, anh làm việc được bao lâu?

- 10 năm, thưa ông.

- Thế sao anh lại ra đi?

- Dạ, hợp đồng là 20 năm, nhưng em được... ân xá.

## Những người thích đùa

Một cô gái ăn mặc rất mốt, phóng xe phân khối lớn ào ào trên đường phố thì bị cảnh sát giao thông chặn lại kiểm tra giấy tờ. Người đẹp

xuống xe, đánh phủ đầu ngay với chàng cảnh sát giao thông trẻ tuổi:

- Này, tôi là cháu ruột của chú K, sếp trực tiếp của mấy anh đó nhộ!

Chàng cảnh sát giao thông vui vẻ cười, đáp lại:

- À, vậy tôi với chị là chỗ bà con rồi! Ông K là bố của tôi sao tôi ít gặp chị vậy? Chị không mang theo giấy phép lái xe à?

- Ờ, xin lỗi anh, tôi chỉ là... là cháu họ của chú K. Bữa nay tôi quên mang theo giấy phép...

- Có sao đâu? anh cảnh sát giao thông tỉnh bơ - chị em mình đều là chỗ bà con cả mà, có điều là con cháu của chú K đều càng phải làm gương. Mời chị nộp phạt!

Cô gái líu riu nộp phạt rồi lên xe đi thẳng. Khi còn hai người cảnh sát với nhau, người đồng đội của chàng cảnh sát giao thông kia hỏi:

- Sao, người đẹp là bà con hả?

- Đâu có, cậu thừa biết tớ đâu phải là con của sếp K. Thấy cô nàng thích đóng vai "những người thích đùa" với cảnh sát, tớ cũng đùa một tí cho vui, vậy thôi!

## Bệnh nghề nghiệp

Tại một phiên tòa, sau khi nghe chủ tọa phiên tòa tuyên án, các bị cáo được nói lời cuối cùng trước khi lãnh án. Một bị cáo nói: Hôm nay, chúng tôi rất lấy làm vinh dự được đến dự phiên tòa này. Thay mặt toàn thể anh em bị cáo, tôi xin chân thành cảm ơn quý tòa, đại diện viện kiểm sát, các luật sư bào chữa, các tầng lớp nhân dân đã đến dự phiên tòa xét xử chúng tôi; xin cảm ơn chính quyền, bà con xã đã giúp đỡ chúng tôi trong thời gian tạm giam; cảm ơn UBND phường đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất như hội trường, các phương tiện phục vụ phiên tòa; chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn các cơ quan thông tin đại chúng như báo, đài phát thanh truyền hình đã cử phóng viên đến tham dự và đưa tin kịp thời về việc xét xử vụ án. Cuối cùng tôi xin cảm ơn quý tòa đã xử tôi được lãnh án 10 năm tù giam là sáng suốt và xứng đáng.

**Phòng PBGDPL&TDTHPL (Sưu tầm)**